

***“Sản phẩm chất lượng cao
An toàn và thân thiện”***

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Địa chỉ: 101 Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (0251) 386 9064 - 386 9700

Số fax: (0251) 386 9065

Email: phuson@cnphuson.com.vn

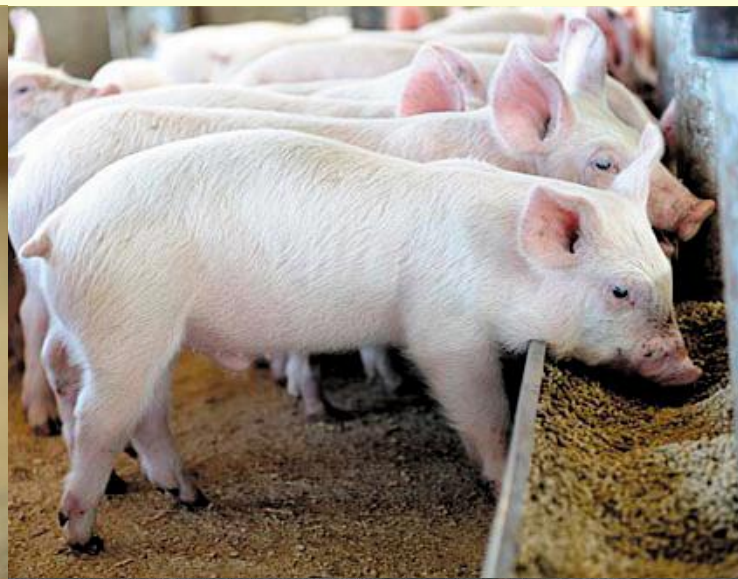
Website: www.channuoiphuson.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI



PHÚ SƠN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



MỤC LỤC

Tổng quan công ty

Tình hình hoạt động

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá của Hội đồng quản trị

Báo cáo tài chính



A group of pink piglets of various sizes standing on a white background. The piglets are arranged in a loose group, with some in the foreground and others in the background. The piglets have a light pink color with darker pink ears and snouts. The background is plain white.

TỔNG QUAN CÔNG TY

A group of piglets of various sizes and colors (pink, orange, brown) are standing on a white surface. The piglets are arranged in a loose group, with some in the foreground and others in the background. The background is a plain, light-colored wall.

✚ Thông tin

✚ Quá trình hình thành và phát triển

✚ Các thành tích

✚ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

✚ Mô hình quản trị, tổ chức, bộ máy quản lý

✚ Định hướng phát triển

✚ Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn**

Giấy CNĐKDN : Số 3600271092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tư vào ngày 31/08/2016

Vốn điều lệ : 67.500.000.000 đồng

Vốn đầu tư CSH : 67.500.000.000 đồng

Địa chỉ : 101 Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại : (0251) 386 9064 - 386 9700

Số fax : (0251) 386 9065

Email : phuson@cnphuson.com.vn

Website : www.channuoiphuson.com.vn

Mã cổ phiếu : **PSL**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Thành lập Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn vào tháng 03/1976

1984

Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn sáp nhập vào Công ty Chăn nuôi Đồng Nai

1994

Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn tách khỏi Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành đơn vị hạch toán độc lập, đổi tên thành Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn. Công ty tiếp nhận xí nghiệp chăn nuôi heo Long Thành vào tháng

1997

Công ty tiếp nhận Xí nghiệp chăn nuôi heo Đông Phương



Tổng quan Công ty



2005

Công ty tiếp nhận Xí nghiệp chăn nuôi gà Đồng Nai.

Cổ phần hóa, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập vào ngày 01 tháng 10 năm 2005

2010

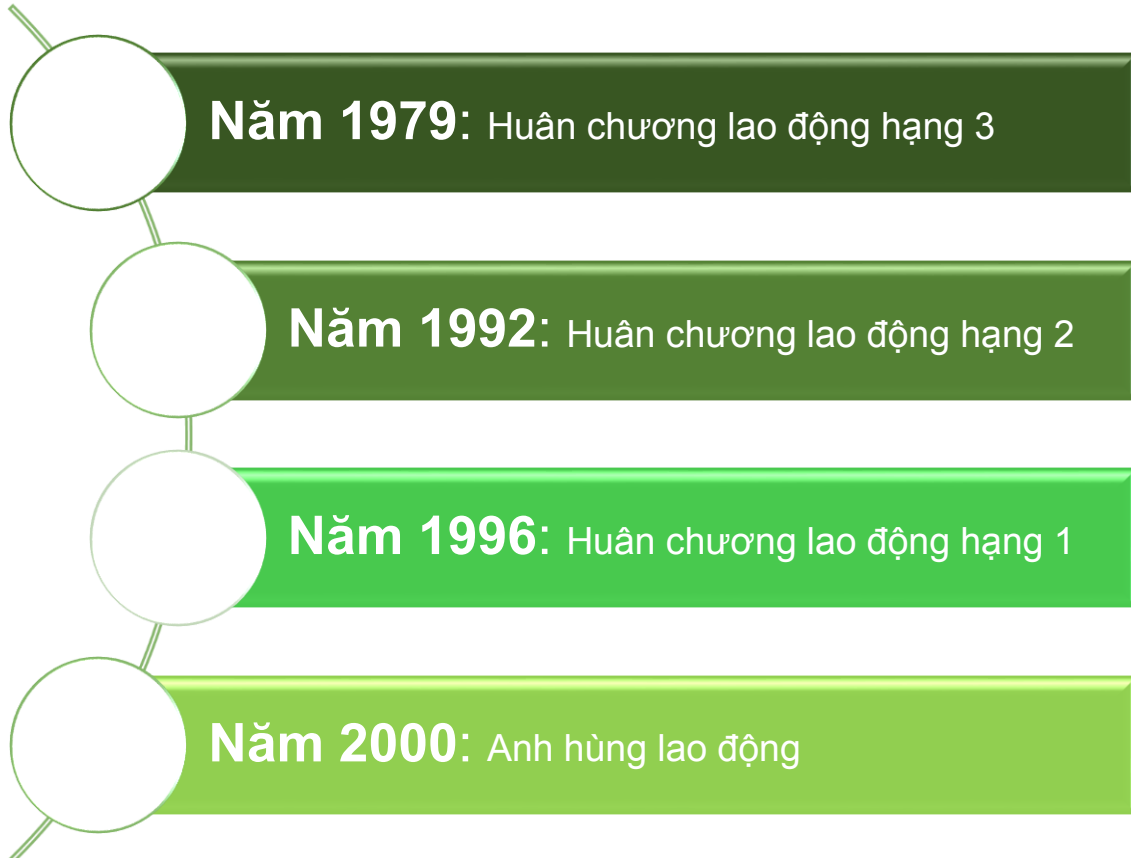
Đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (UpCOM)

2016

Tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 67,5 tỷ đồng

CÁC THÀNH TÍCH

Từ khi thành lập cho đến nay, Ban lãnh đạo không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng sản phẩm và từng bước ghi dấu hình ảnh Công ty trên thị trường. Công ty đã được Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý, cụ thể:





ISO 9001 Certified

Bên cạnh đó, Công ty còn vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng uy tín từ hiệp hội người tiêu dùng như:



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm (chăn nuôi đà điểu);
- ✓ Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (với những sản phẩm chính là các loại gia súc, gia cầm và những vật nuôi khác như: cá sấu, đà điểu, baba, rắn và các loại nông sản, nguyên vật liệu chế biến thức ăn gia súc, chăn nuôi);
- ✓ Chăn nuôi khác (rắn, baba, cá sấu);
- ✓ Buôn bán thực phẩm (các loại thủy sản);
- ✓ Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (chế biến súc sản, thủy sản);
- ✓ Hoạt động thú y (cố vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ chăn nuôi);
- ✓ Xây dựng nhà các loại (xây dựng chuồng trại, cơ sở hạ tầng);
- ✓ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (cụ thể như sản xuất nguyên vật liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi);
- ✓ Nuôi trồng thủy sản nội địa (sản xuất thủy sản);





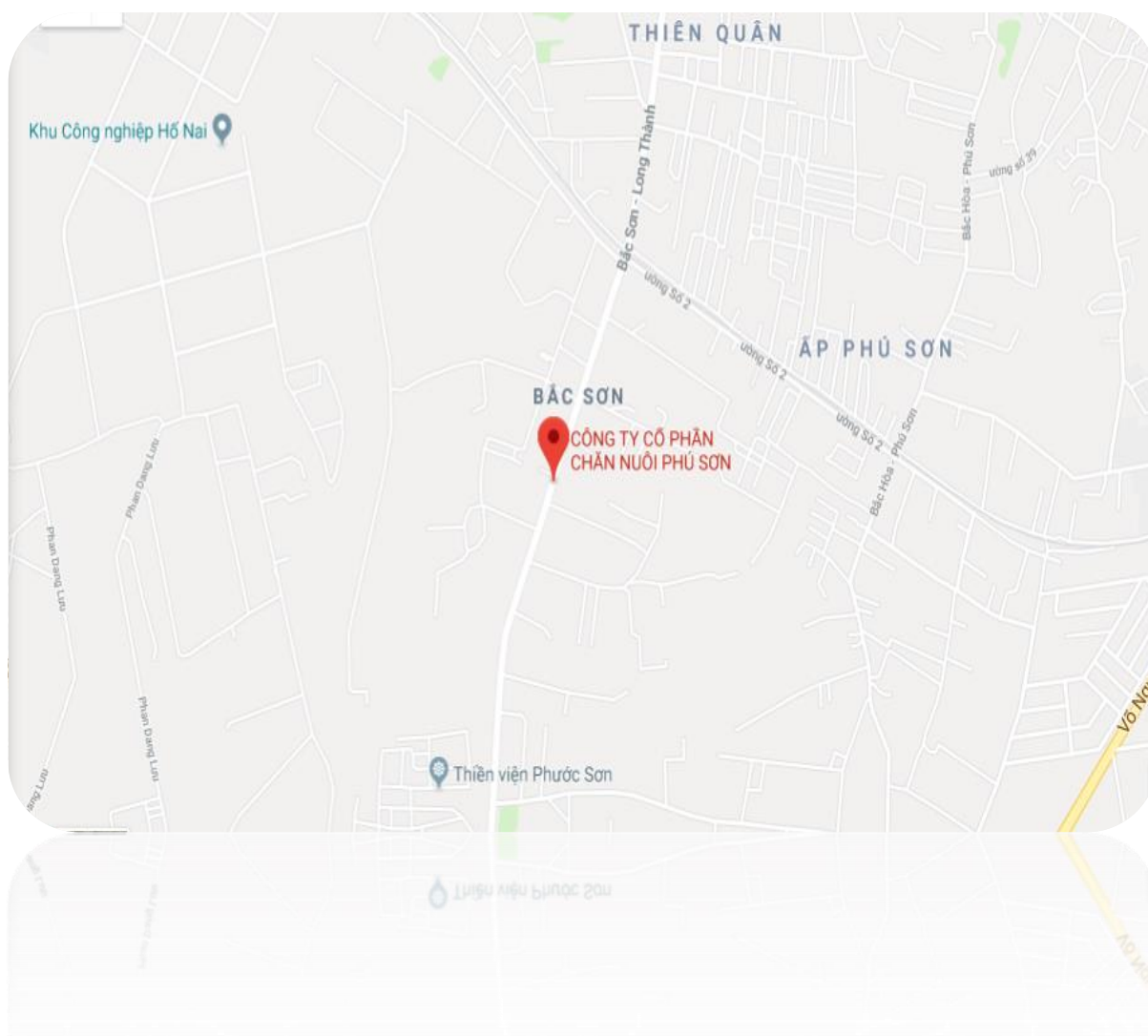
Tổng quan Công ty



Địa bàn hoạt động

Công ty cung cấp ra thị trường toàn quốc các sản phẩm chăn nuôi gia súc đảm bảo tiêu chuẩn sạch, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định. Những thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty với số lượng đáng kể bao gồm:

- Các tỉnh miền Trung trở vào đến các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ đối với sản phẩm heo giống.
- Các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh với sản phẩm heo thịt.
- Tinh heo chủ yếu được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;





Tổng quan Công ty



Heo giống chủ yếu được tiêu thụ tại các tỉnh miền Trung trở vào đến các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ.



Heo thịt chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.



Tinh heo chủ yếu được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



Những sản phẩm tiêu biểu

Heo giống nuôi thịt

Sản phẩm bán ra thị trường là những heo con nuôi thịt khoảng 65 ngày tuổi có trọng lượng từ 18-25kg. Những heo giống này đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine cho một số bệnh như: Dịch tả, lở mồm long móng (FMD), Myco Plasma, PRRS (tai xanh), v.v...



Heo hậu bị giống

Heo hậu bị đực gồm các giống thuần Yorkshire, Landrace, Duroc.

Heo hậu bị cái gồm các giống Yorkshia, Landrace, Duroc thuần hoặc heo lai Land - York, heo lai York - Land. Heo có nguồn gốc từ các giống heo ngoại nhập cho năng suất cao. Heo con nuôi thịt có khả năng phát triển tốt, mau lớn.



Heo thịt

Là heo có chất lượng tốt từ những giống heo cho tỷ lệ thịt cao. Cam kết không sử dụng các hóa chất cấm. Đảm bảo không có chất kháng sinh vì đã áp dụng thời gian ngừng thuốc đúng quy định.



Tinh heo



Tổng quan Công ty



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC, BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Hiện nay, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn là Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, với tỷ lệ nắm giữ ở PSL là 73,56% vốn điều lệ (tương đương 4.965.132 cổ phiếu PSL).

Ngoài ra, từ năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý KLH Công Nông Nghiệp Đồng Nai (AGROPARK) đã trở thành Công ty liên kết của Phú Sơn.





Tổng quan Công ty

Công ty mẹ

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

Trụ sở chính: Số 833A, Xa lộ Hà Nội,
Khu phố 1, phường Long Bình Tân, Tp.
Biên Hoà, Đồng Nai.

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất
công nghiệp; cung cấp vật tư nông
nghiệp và chế biến nông sản thực phẩm;
khai thác tài nguyên và sản xuất kinh
doanh vật liệu xây dựng; dịch vụ - du lịch
– thương mại – xuất nhập khẩu.

Điện thoại: 0251.3836110

Fax: 0251.3836132

Website: www.dofico.com.vn



Công ty liên kết

Công ty cổ phần Đầu tư quản lý Khu liên hợp Công Nông Nghiệp Đồng Nai (AGROPARK)

Trụ sở chính: Số 833A, Xa lộ Hà Nội,
Khu phố 1, phường Long Bình Tân, Tp.
Biên Hoà, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3 993 449

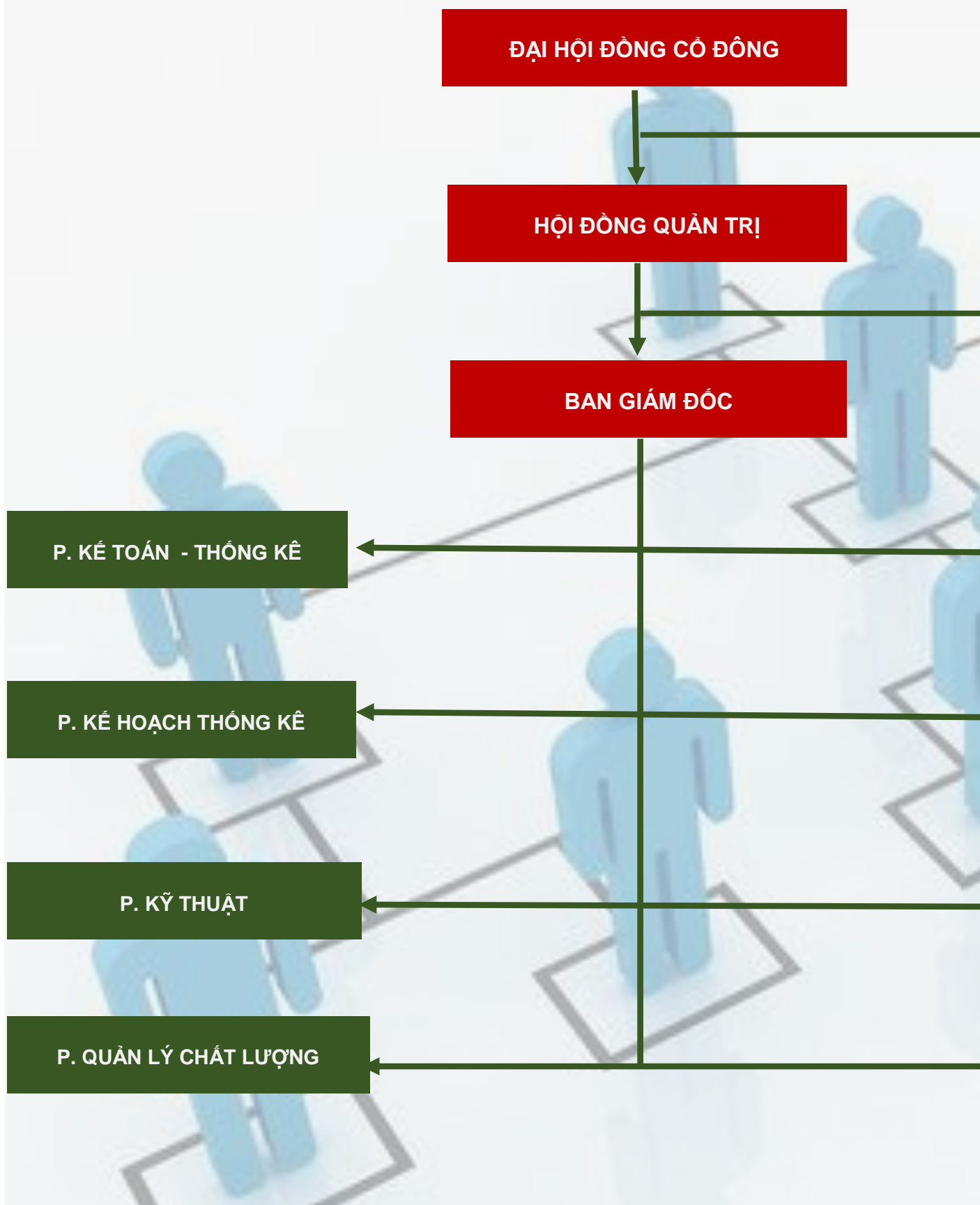
Fax: 0251.8 899 828

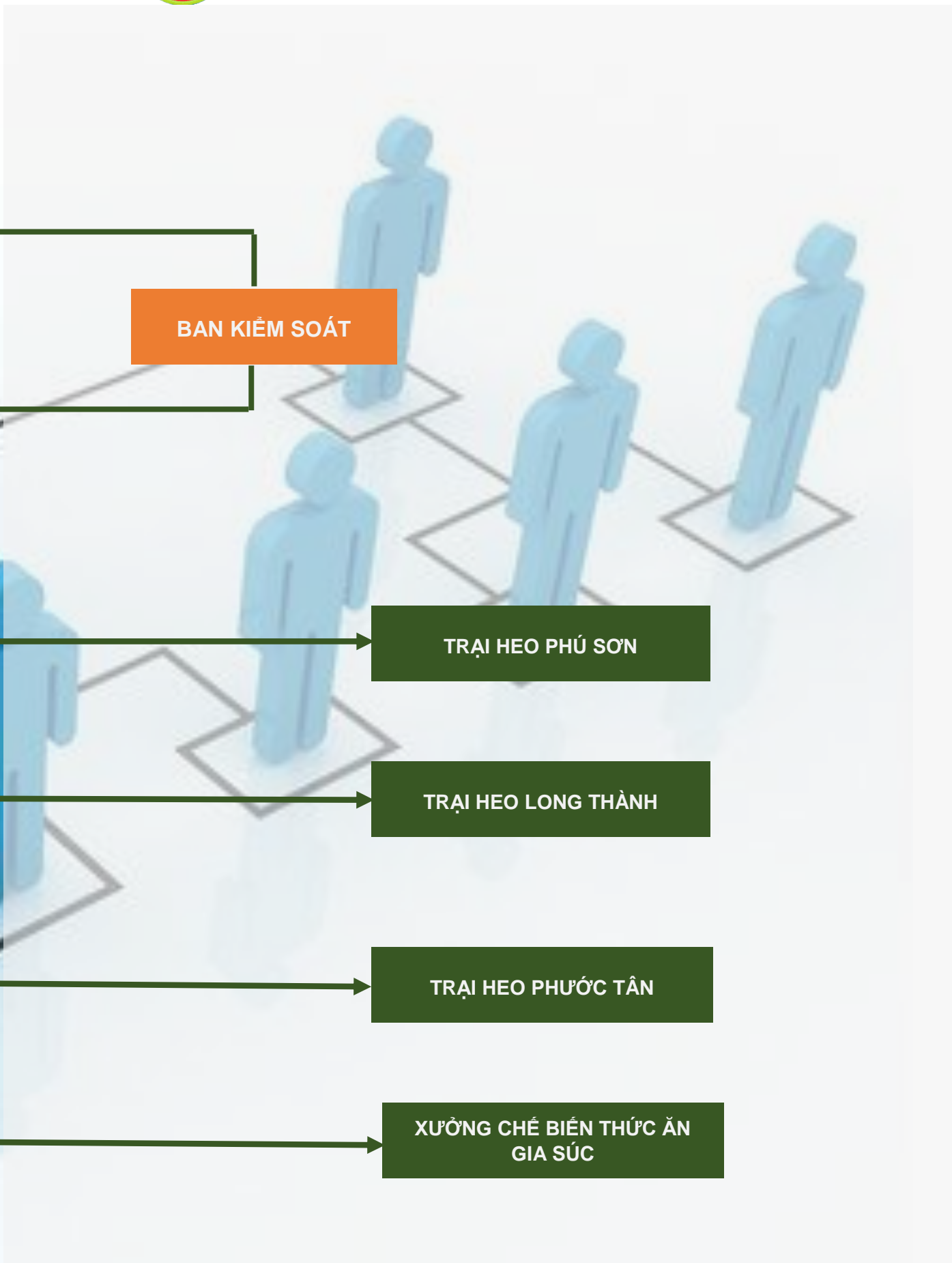
Website: www.agropark.vn

Website: www.dofico.com.vn



Mô hình quản trị





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược của công ty

Chất lượng sản phẩm

Những sản phẩm của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn khi được đưa ra thị trường đều phải đảm bảo được chất lượng tốt nhất, đạt các yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Quy mô sản xuất

Hiện tại Công ty đang xây dựng cơ sở mới tại Xuân Lộc, các cơ sở chăn nuôi cũ đều chuẩn bị di dời. Công ty định hướng trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 phải xây dựng xong cơ sở ở Xuân Lộc với quy mô 4.800 nái sinh sản, 12.000 heo con cai sữa, 10.000 con heo hậu bị và heo thịt theo hướng hiện đại nhằm nâng cao năng suất chăn nuôi.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Công ty tiến hành áp dụng kỹ thuật quản lý hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro để các

chiến lược và định hướng đạt được chỉ tiêu đề ra.

Đa dạng hóa các mặt hàng sản xuất và dịch vụ

Bên cạnh hoạt động chủ lực là chăn nuôi, Công ty sẽ triển khai, mở rộng, đa dạng hóa các hoạt động sản xuất khác như kinh doanh xăng dầu, sử dụng khu đất để liên doanh xây dựng các khu dân cư, v.v...

Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y

Công ty tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh chuồng trại, chăm sóc và kiểm tra tình trạng sức khỏe vật nuôi định kỳ.

Hoạt động đầu tư

Tiếp nối những năm trước, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đối với công tác sản xuất

Để lứa heo xuất chuồng đạt chất lượng tốt nhất, Công ty không ngừng nghiên cứu và cải thiện chất lượng các giống hiện có.

Định kỳ tiến hành kiểm tra sức khỏe để ngăn ngừa, phòng chống các dịch bệnh trên vật nuôi.

Nghiên cứu, đầu tư nhằm tạo bước đột phá trong năng suất cho đàn heo hậu bị và heo nái.

Đối với công tác quản lý

Tuân thủ đúng các nguyên tắc và quy định về quản lý của Công ty.

Để đảm bảo CBCNV tuân thủ các quy trình, quy định đã ban hành, Công ty tiến hành tăng cường hoạt động kiểm soát.

Các mục tiêu môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Trong ngành chăn nuôi, vấn đề bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng là hoạt động cần thiết. Môi trường được đảm bảo giúp chất lượng vật nuôi được nâng cao, mang lại hiệu quả cho kinh tế, đảm bảo số lượng dự kiến đưa ra thị trường. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ với cộng đồng, xã hội trong mục tiêu phát triển bền vững. Ý thức được những vấn đề đó, Công ty luôn đưa ra những biện pháp bảo vệ môi trường bằng ứng dụng công nghệ môi trường tiên tiến như hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lý mùi hôi v.v.... Ngoài ra, Công ty còn coi trọng việc xây dựng và gắn bó các mối quan hệ cộng đồng thông qua các hoạt động như an sinh xã hội, từ thiện, v.v....



CÁC RỦI RO





Rủi ro luật pháp

Hiện nay, Công ty đang hoạt động với mô hình công ty cổ phần và cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sở GDCK HN, do vậy Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các quy định liên quan khác. Bên cạnh đó, lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là về chăn nuôi, nên chịu sự quản lý của Luật bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Ngoài ra, hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện để phù hợp với điều kiện thực tế nên những thay đổi này sẽ ảnh hưởng đến chiến lược và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, để hạn chế những rủi ro về pháp luật gây ra, Công ty đã chủ động cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quản lý để đảm bảo việc phát triển an toàn và bền vững.



Rủi ro cạnh tranh

Hội nhập mang đến cho lĩnh vực chăn nuôi nguồn lực có chất lượng về quản lý, kỹ thuật. Ngoài ra, việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do làm mức thuế suất áp dụng cho các sản phẩm chế biến từ thịt về 0%, do đó, sản phẩm của nội địa bị cạnh tranh mạnh với sản phẩm nhập khẩu, đặc biệt là thịt từ các thị trường như Ba Lan, Mỹ, Tây Ban Nha, v.v... Để duy trì vị thế và mở rộng thị trường, Công ty đã thực hiện nâng cao quy trình quản lý, tư duy sản xuất hội nhập với việc tăng cường ứng dụng kỹ thuật, đảm bảo cung

cầu hợp lý, tìm kiếm công nghệ sản xuất, con giống có chất lượng. Tận dụng lợi thế hội nhập cùng với thuế suất nhập khẩu để tìm nguồn nguyên liệu đầu vào trong quá trình chăn nuôi có giá thành phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu.





Rủi ro thị trường

Theo số liệu sơ bộ đầu năm của Tổng cục Hải quan, nước ta nhập khẩu 4,5 triệu USD thịt lợn tươi, ướp lạnh, thịt lợn các loại, tăng tương ứng 21,2% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, thịt lợn trong nước đang bị cạnh tranh mạnh với thịt nhập khẩu



khá tương đồng nhau. Mặt khác, trong các tháng cuối năm 2016 và đầu năm 2017, thị trường tiêu thụ chưa có tín hiệu tích cực, làm cho giá thịt lợn chưa được cải thiện. Dẫn đến tình trạng số lượng đàn lợn cả nước tính đến cuối năm giảm 5,7% so với năm trước (Tổng cục thống kê). Nguyên nhân là do tổ chức ngành chăn nuôi chưa tốt, thị trường rơi vào tình trạng cung vượt cầu. Ngoài ra, loại hình quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ chiếm tỷ trọng cao hơn so với quy mô vừa và lớn đã làm cho giá thành tăng cao, chuỗi cung ứng khó kiểm soát, khâu chế biến thành phẩm cũng không được quản lý chặt chẽ, gây thiệt hại lớn đến người chăn nuôi nhỏ

lẻ khi có biến động của thị trường. Đối mặt với các khó khăn trên, Công ty đã tận dụng lợi thế quy mô hoạt động, công nghệ chế biến và giám sát kỹ lưỡng nhằm mang lại sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, đối mặt với giá tiêu thụ thịt không mang lại lợi nhuận so với giá nguyên liệu đầu vào (giá thức ăn chăn nuôi trung bình là 9.000 đồng/kg mà 1 kg heo hơi cần 3,4kg cám, do đó chi phí thức ăn chăn nuôi heo trung bình là 31.000 đồng/kg) đã gây khó khăn trong việc duy trì hoạt động chăn nuôi trong năm. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ thịt heo cũng bị ảnh hưởng bởi các thông tin như sử dụng chất kích thích, tiêm hóa chất vào heo (phát hiện chất an thần cho heo trước khi mổ ở Lò mổ Xuyên Á, lò mổ Hòa Phú huyện Củ Chi, v.v...), điều này đã tăng thêm khó khăn trong việc tiêu thụ. Để vượt qua và hạn chế tác động tiêu cực của thị trường đến tình hình hoạt động, Công ty áp dụng các biện pháp công nghệ vào chăn nuôi nhằm điều chỉnh và quản lý hiệu quả công tác tiết kiệm chi phí hoạt động. Đồng thời, Công ty linh động trong việc điều chỉnh giá thành tiêu thụ thịt phù hợp với tình hình thị trường, nhưng vẫn đảm bảo số lượng và chất lượng ra thị trường. Ngoài ra, Công ty còn chủ động tìm kiếm nguồn cung đầu vào có chất lượng, giá cả hợp lý.

Rủi ro nguyên vật liệu



Nguyên vật liệu đầu vào của ngành chăn nuôi là yếu tố quan trọng tác động đến chất lượng, đầu ra cho sản phẩm. Tuy nhiên, thị trường thức ăn chăn nuôi trong nước chưa chủ động được nguồn nguyên liệu nên còn phụ thuộc rất lớn đến giá trị và sản lượng nhập khẩu từ các nước như Argentina, Trung Quốc, Canada, Đài Loan, v.v... trong đó, thị trường Argentina đang là thị trường tiềm năng của Việt Nam do có nguồn cung dồi dào. Mặt khác, nguyên liệu đầu vào cho chăn nuôi chiếm 65% - 70% chi phí nên Công ty đã đưa ra những kế hoạch rõ ràng, kỹ lưỡng trong quá trình hoạt động, đồng thời dự báo nguồn cung hợp lý của thị trường để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm của Công ty đạt chuẩn, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng vận hành, môi trường chăn nuôi. Dự báo giá nguyên liệu đầu vào để lưu trữ hợp lý giúp đạt được mục tiêu được đề ra từ đầu năm của Công ty.




Trong năm 2017, thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiến hành kiểm tra, phát hiện tình trạng trộn hóa chất trong thức ăn chăn nuôi có ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào cho chăn nuôi đang bị ảnh hưởng, kéo theo tâm lý e ngại của người tiêu dùng về sản phẩm. Do đó, Công ty luôn đảm bảo nguồn cung rõ nguồn gốc nhằm mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng nhất. Điều này góp phần duy trì ổn định hoạt động cung ứng sản phẩm ra thị trường, điều phối được tình hình hoạt động của nội bộ.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



- 
- ✚ Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm
 - ✚ Tổ chức và nhân sự
 - ✚ Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
 - ✚ Tình hình tài chính
 - ✚ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - ✚ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh	
						So với kế hoạch	So với 2016

1 Sản lượng hàng hóa thực hiện

Heo giống	Tấn	1.199	1.200	713	59,42	59,47
-----------	-----	-------	-------	-----	-------	-------

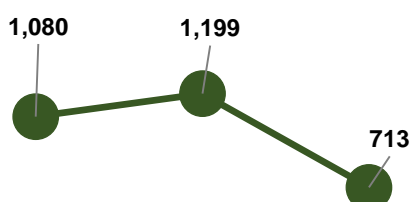
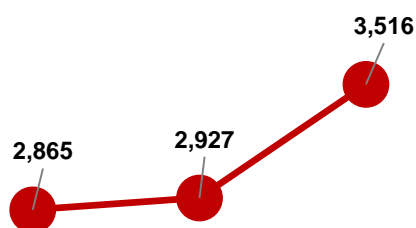
Heo thịt	Tấn	2.927	2.600	3.516	132,23	120,12
----------	-----	-------	-------	-------	--------	--------

2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	246.348	196.000	142.296	72,6	57,8
---	-----------------------	---------	---------	---------	---------	------	------

3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	65.000	21.000	-21.603	-	-
---	-----------------------------	---------	--------	--------	---------	---	---

4	Tỷ lệ cổ tức	%	60	15	15	100	25
---	---------------------	---	----	----	----	-----	----

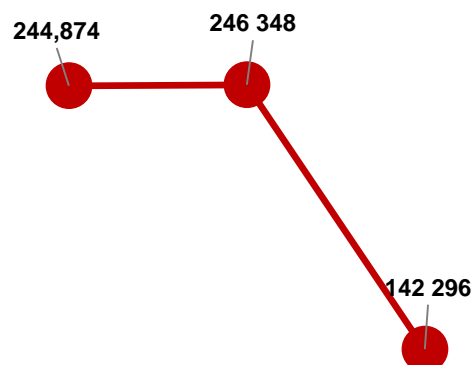
Sản lượng thực hiện



2015 2016 2017

● Heo giống ● Heo thịt

Kết quả kinh doanh



2015 2016 2017

● Doanh thu

Nhận định tình hình hoạt động năm 2017

Trong năm 2017, tình hình chăn nuôi không mấy khả quan khi sức cầu tiêu thụ bị giảm, trong khi tình trạng cung vượt cầu đã làm giảm giá thịt tiêu thụ liên tục. Điều này, cho thấy hoạt động của thị trường đã tác động mạnh đến kết quả kinh doanh trong năm của Công ty, trong khi giá nguyên liệu đầu vào của chăn nuôi không thay đổi đã làm lợi nhuận giảm so với năm trước.

Cụ thể, so với doanh thu năm 2016 thì doanh thu năm 2017 chỉ đạt 142.296 tỷ đồng, không đạt kế hoạch đề ra vào đầu

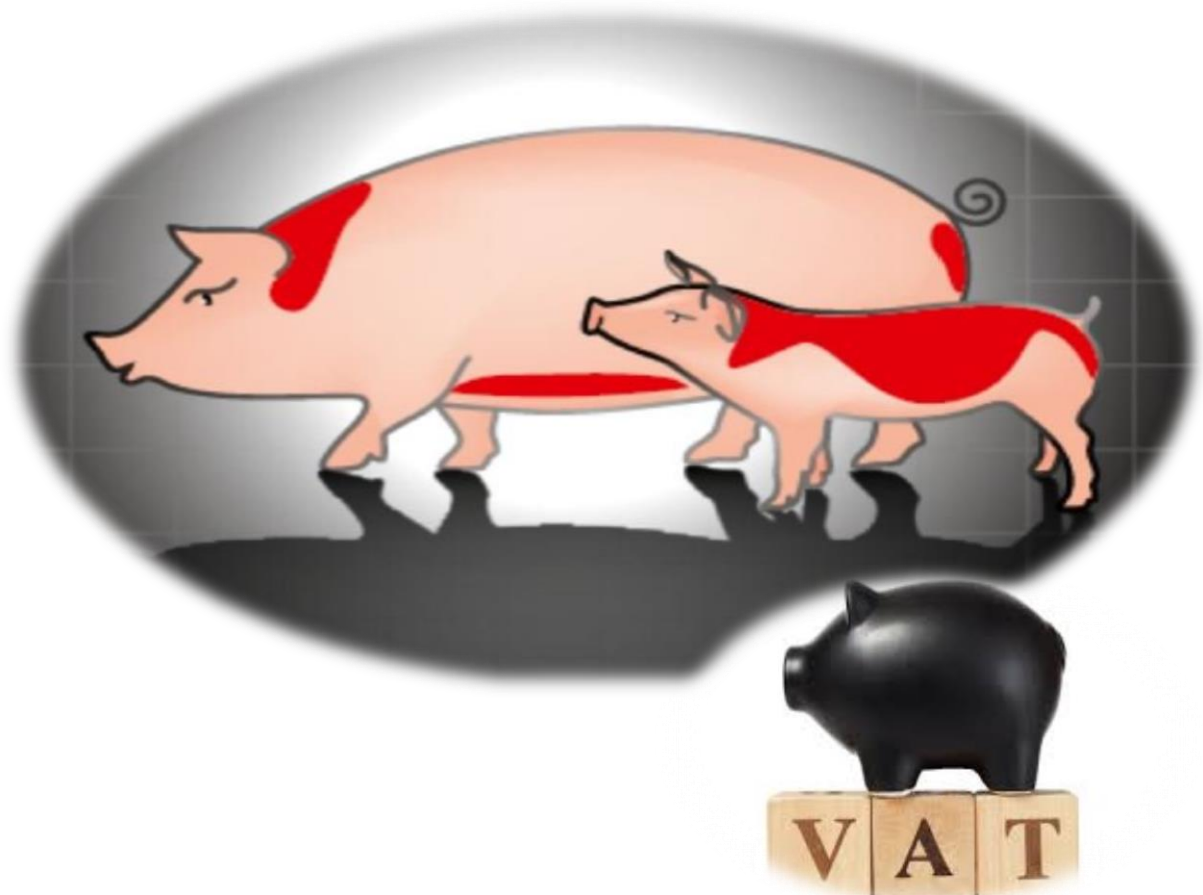
năm. Với kết quả này, đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2017. Tuy nhiên, kết quả thực hiện có sự giảm sút nhưng vẫn được Công ty kiểm soát hiệu quả, đưa ra những chính sách phù hợp với tình hình thị trường có nhiều biến động trong năm. Chứng tỏ, Công ty đã nắm bắt và dự báo tốt tình hình thị trường trong tương lai, đồng thời đề ra các giải pháp thực tế nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến tình hình chăn nuôi của Công ty.



Tình hình hoạt động

Trong năm, doanh thu đạt được là 142.296 triệu đồng trong đó, lượng heo thịt tiêu thụ được là 3.516 tấn, tăng 20,12%, đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Tiếp theo đó là tỷ lệ tiêu thụ heo giống đạt 59,47% so với kế hoạch đề ra đầu năm, nguyên nhân là do trong năm tình hình giá thịt bán ra không bù đắp được chi phí chăn nuôi ảnh hưởng mạnh đến tình hình mở rộng số lượng đàn heo làm sản lượng heo giống tiêu thụ thấp trong năm. Ngoài ra, doanh thu khác của Công

ty gồm: tinh heo, heo thịt khác đã góp phần cải thiện cho kết quả hoạt động của Công ty Bên cạnh đó, sự chuyển biến của thị trường cuối năm đã tạo cơ hội cho hoạt động mua bán heo thịt sôi động trở lại. Theo đó, tỷ lệ doanh thu từ heo thịt tăng cao góp phần hạn chế thiệt hại cho Công ty trước biến động của thị trường từ đầu năm. Kết quả kinh doanh năm 2017 là bài học quý giá cho Công ty trước những khó khăn và thách thức của thị trường sắp tới.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hà Văn Sơn	Giám đốc	Kiểm Phó Chủ tịch HĐQT
2	Đỗ Văn Trong	Phó Giám đốc	Kiểm Thành viên HĐQT
3	Lê Thị Anh	Q.Kế toán trưởng	





Hồ sơ Ban điều hành

GIÁM ĐỐC Ông Hà Văn Sơn

Năm sinh: 1962

Tỷ lệ nắm giữ: 1,88%

Trình độ chuyên môn: Đại học Nông lâm TP.HCM ngành Kinh tế nông nghiệp

 **Quá trình công tác:**

- ✓ 1986 - 1996: Phó Phòng Kế toán, phụ trách kế hoạch XN chăn nuôi heo Phú Sơn.
- ✓ 1997 - 2000: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh XN chăn nuôi heo Phú Sơn.
- ✓ 2000 - 2003: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh kiêm Trưởng trại Phú Sơn Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn
- ✓ 2003 - 08/2008: Phó Giám Đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- ✓ 09/2008 - 2013: Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- ✓ 09/2013- nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- ✓ 12/2015 – 4/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- ✓ 04/2016 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.

Phó Giám đốc
Đỗ Văn Trong

Năm sinh: 1968

Tỷ lệ nắm giữ: 0,11%

Trình độ chuyên môn: Bác sĩ thú y

🏆 Quá trình công tác:

- ✓ Từ 1992 - 1995: Kỹ thuật viên trại heo Long Thành, XN chăn nuôi heo Phú Sơn
- ✓ Từ 1996 - 2002: Trưởng bộ môn thú y, XN chăn nuôi heo Phú Sơn
- ✓ Từ 2003 - 2015: Trưởng phòng kỹ thuật, CTCP chăn nuôi Phú Sơn
- ✓ Từ 01/2016 đến nay: Phó giám đốc Cty CP chăn nuôi Phú Sơn



Q.Kế toán trưởng
Lê Thị Anh

Năm sinh: 1985

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

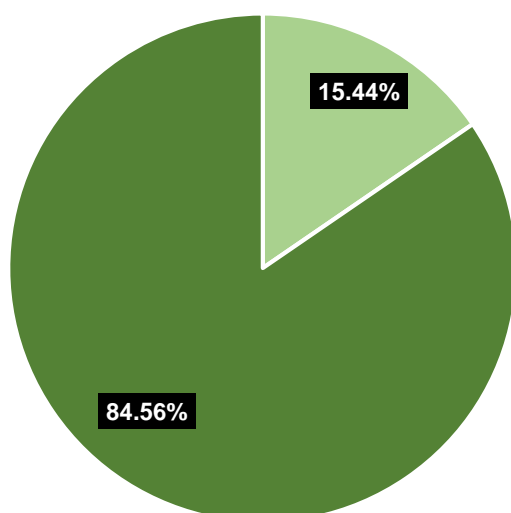
 **Quá trình công tác:**

- ✓ 2008 đến nay: Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số lượng cán bộ, nhân viên

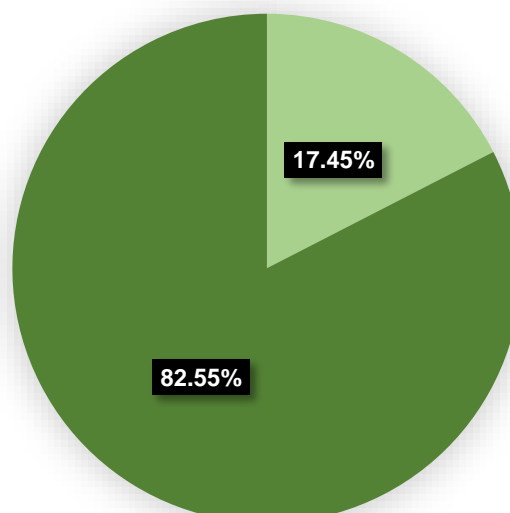
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	149	100,00%
1	Đại học	23	15%
2	Trung cấp	-	-
3	Khác	126	85%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	149	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	26	17%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	123	83%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-

Theo trình độ



■ Đại học
 ■ Trung cấp
 ■ Khác

Theo tính chất hợp đồng



■ Hợp đồng có xác định thời hạn
■ Hợp đồng không xác định thời hạn
■ Hợp đồng theo thời vụ



Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn quan tâm đến người lao động thông qua việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách nhằm nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cán bộ, công nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các buổi đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, tạo môi trường tốt nhất để cán bộ, công nhân viên có thể phát huy hết khả năng của mình và phấn đấu cho mục tiêu

Chính sách lương, thưởng

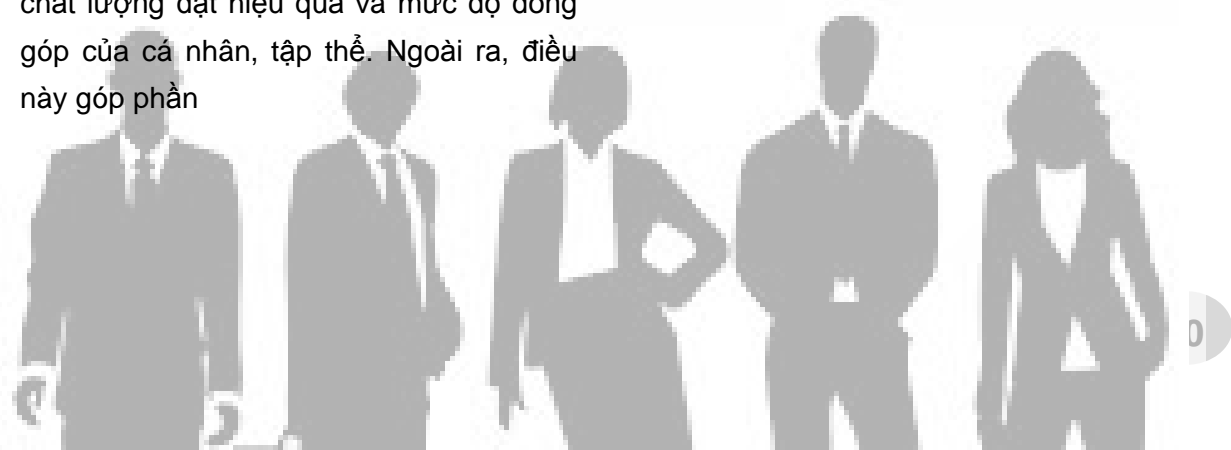
Chính sách lương của Công ty những năm qua đều tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước về mức lương tối thiểu. Các quy định về chi trả lương, thưởng cho từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động làm việc, hoàn thành tốt công việc ở từng chức năng riêng biệt, đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch đặt ra đầu năm của Công ty. Do đó, Công ty có chính sách chi trả lương riêng đối với từng cán bộ, nhân viên, cụ thể:

Tiền lương, thưởng cho tập thể hoặc người lao động căn cứ vào năng suất, chất lượng đạt hiệu quả và mức độ đóng góp của cá nhân, tập thể. Ngoài ra, điều này góp phần

phát triển chung. Đồng thời, Công ty đã đưa ra chính sách hợp lý để mang lại thu nhập ổn định cho người lao động nhằm đảm bảo đời sống góp phần tạo tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài của cán bộ, công nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn đưa ra những chính sách lương thưởng, đãi ngộ cho đối tượng lao động có thành tích đáng khen ngợi.

đảm bảo sự công bằng và minh bạch giữa tập thể và các cá nhân. Ngoài ra, chính sách này còn phụ thuộc vào công việc đảm nhận, định mức lao động, chỉ tiêu kỹ thuật và kết quả lao động tạo ra, mức lương sẽ điều chỉnh thay đổi theo cấp bậc công việc. Bên cạnh đó, người lao động gián tiếp được hưởng theo hệ số do Hội đồng tư vấn đề xuất và Giám đốc Công ty quyết định dựa trên báo cáo kết quả đạt được và tính chất công việc của nhân viên.

Đồng thời, Công ty cũng bảo đảm thực hiện các chế độ chính sách xã hội, phúc lợi cho người lao động theo quy định của



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đầu tư thực hiện các dự án

✚ Dự án xây dựng trại heo con cai sữa, heo hậu bị, heo thịt tại xã Xuân Phú, Xuân Thọ, Huyện Xuân Lộc

Hiện tại đã có giới thiệu địa điểm, Công ty đang tiến hành các bước tiếp theo.

✚ Dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long An, huyện Long Thành, Đồng Nai

Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp nhận chủ trương cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn lập thủ tục đầu tư dự án với các nội dung sau:

- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng khu dân cư theo quy hoạch.
- Vị trí địa điểm: Tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với diện tích khoảng 68.646,5m². Vị trí theo Sơ đồ thoả thuận địa điểm số 4941/2016 Tỷ lệ 1/2000 do UBND huyện Long Thành ký xác lập ngày 13/7/2016, không bao gồm phần diện tích được quy hoạch mở đường và quy hoạch đất phát triển hạ tầng.

Dự án xây dựng trại heo mới tại Khu Công Nông nghiệp Agropark quy mô 4.800 nái, giai đoạn I quy mô 1.200 nái

+ Dự án đã được khởi công vào cuối tháng 9/2016, với các hạng mục: tường rào, nhà bảo vệ, nhà điều hành, nhà heo nái mang thai, nái đẻ, heo nọc, ... đã hoàn thành việc xây dựng vào cuối tháng 5/2017; lắp đặt chuồng nái đẻ, chuồng nái mang thai xong trong tháng 01/2018.

+ Hiện nay Dự án thi công hệ thống điện, đường nội bộ và đang xây dựng tiếp để đạt được quy mô 2.400 nái, dự kiến tháng 6/2018 sẽ xong và chuyển heo lên.





Tình hình hoạt động



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	% tăng/giảm so với 2016
Tổng tài sản	Tr.đồng	261.850	189.504	-27,63%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	236.344	133.744	-43,41%
Lợi nhuận HĐKD	Tr.đồng	64.657	-21.268	-132,89%
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	343	-335	-197,67%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	65.000	-21.603	-133,24%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	54.847	-21.603	-139,39%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	7.069	-3.201	-145,28%
Tỉ lệ cổ tức	%	60	15	-75

Đầu năm 2017, số lượng đàn heo ở Trung Quốc bắt đầu phục hồi trở lại sau một năm sản lượng thịt heo ở mức thấp nhất trong vòng năm năm trở lại đây. Với chính sách hạn chế nhập khẩu thịt của Trung Quốc đã làm một lượng lớn thịt heo xuất khẩu của nước ta bị tồn đọng, khiến giá bán trong nước bị giảm, tạo sức ép không nhỏ đến các doanh nghiệp và hộ gia đình chăn nuôi heo. Đứng trước tình hình khó khăn của thị trường cùng một số nguyên nhân khách quan trong nước đã tạo ra những rào cản lớn đối với thị trường tiêu thụ thịt heo của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn nói riêng.

Cụ thể, trong năm 2017, tình hình hoạt động có sự chuyển biến chậm hơn so với năm 2016, doanh thu thuần đạt 133.744 triệu đồng, giảm 43,41% so với cùng kỳ năm 2016, kéo theo mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận của Công ty bị lỡ. Đứng trước tình hình khó khăn của thị trường tiêu thụ thịt heo năm 2017, Công ty đã linh động cập nhật kịp thời tình hình của thị trường, đồng thời đưa ra kế hoạch nhằm hạn chế thiệt hại khi tập trung giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí nhân công.

Nhằm duy trì hoạt động và ứng phó kịp thời với tình hình biến động của thị trường, Ban lãnh đạo đã đề ra giải pháp thích hợp và đúng đắn cùng với sự phối hợp của đội ngũ cán bộ chuyên trách đã giúp Công ty vượt qua những thách thức trong năm 2017 và góp phần tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo.



Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017
--------------	-----	------	------

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	7,82	4,81
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,42	3,66

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	9,69%	12,19%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	10,74%	13,88%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

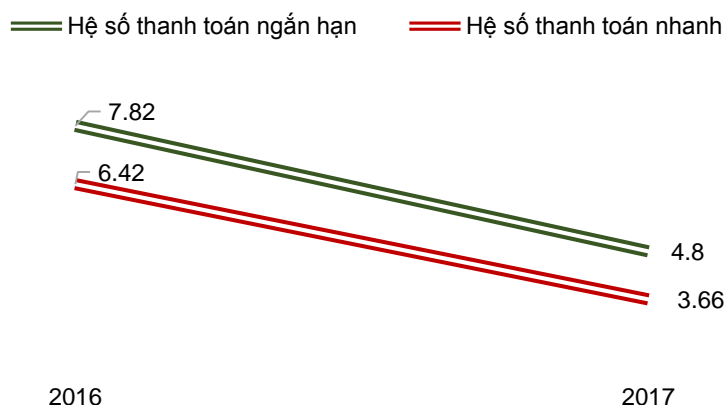
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,71	5,08
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq	Vòng	0,97	0,59

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,21	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,84	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	22,41	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	27,36	-

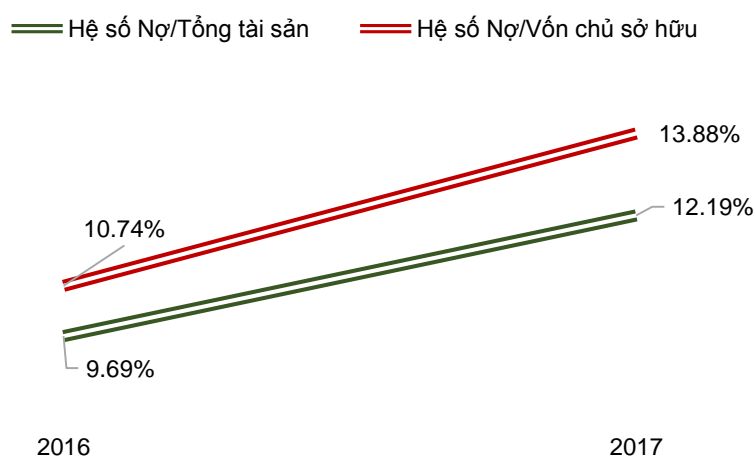
Biểu đồ thanh toán

Đơn vị tính: lần



Trong năm 2017, nhìn chung khả năng thanh toán của Công ty chậm hơn so với năm 2016. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đạt lần lượt 4,8 lần và 3,66 lần. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 38,53%. Nguyên nhân là do tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều giảm trong năm, tuy nhiên, tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn (-44,07%) nhanh hơn tốc độ giảm của nợ ngắn hạn (-9,02%), tập trung vào giảm khoản đầu tư ngắn hạn (cụ thể là khoản tiền gửi có kỳ hạn) là 64,5 tỷ, đồng thời các khoản tương đương tiền cũng giảm gần 10,5 tỷ. Tuy nhiên, để ứng phó với giai đoạn đầy thách thức trong năm 2017 và đảm bảo chất lượng thịt cung ứng cho thị trường, Ban lãnh đạo đã hạn chế đầu tư ngắn hạn nhằm duy trì khả năng thanh toán và tạo uy tín với đối tác trong kinh doanh.

Cơ cấu vốn



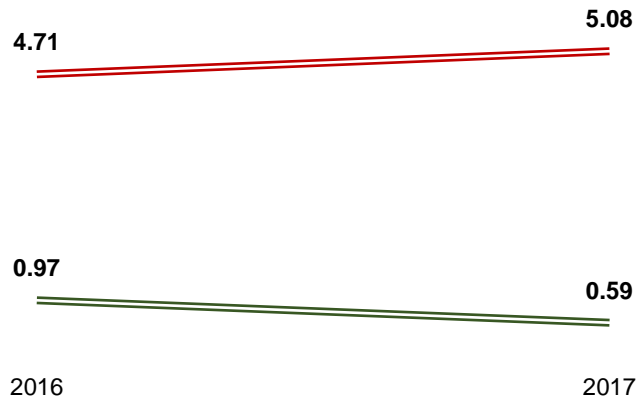
Nắm bắt được tình hình hoạt động năm 2017, Công ty đã điều chỉnh đáng kể trong cơ cấu vốn. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản đạt 13,88%, tăng 3,14% so với năm trước. Nguyên nhân là do trong năm các khoản nợ phải trả và tổng tài sản đều được Công ty điều chỉnh giảm, tuy nhiên tốc độ giảm của tổng tài sản (-27,63%) nhanh hơn tốc độ giảm của nợ phải trả (-9,02%), tập trung giảm mạnh ở khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản tương đương tiền. Bên cạnh đó, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 12,19%, tăng 25,71% so với cùng kỳ năm trước. Công ty rất chú trọng việc kiểm soát tình hình tài chính cũng như theo dõi các chỉ số trên để đảm bảo an toàn tài chính trong điều kiện khó khăn như hiện nay.



Năng lực hoạt động

Đơn vị tính: vòng

— Vòng quay hàng tồn kho — Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân



Trong năm 2017, Công ty có những chính sách điều chỉnh đúng đắn nhằm hạn chế những thiệt hại xuất phát từ tình hình tiêu thụ thị trường biến động mạnh trong năm. Thể hiện rõ qua các chỉ số khả năng hoạt động giảm không đáng kể so với cùng kỳ năm 2016, cụ thể vòng quay hàng tồn kho đạt 5,08 vòng, chỉ số này vẫn được duy trì ở mức cao. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán và hàng tồn kho được phân bổ với tỷ lệ gần tương đương nhau nên không gây ảnh hưởng mạnh đến năng lực hoạt động của Công ty. Tương tự với hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân đạt 0,59 có mức tương trường chậm hơn so với cùng kỳ năm trước, do kế hoạch giảm đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản tương đương tiền nhằm bù đắp khoản đầu tư cho vào chăn nuôi và duy trì đàn trong năm 2017.

Những diễn biến xấu của thị trường đã tác động mạnh đến hoạt động của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn. Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều bị giảm mạnh so với năm trước. Đứng trước tình này, Ban lãnh đạo đã đưa ra những chính sách nhằm hạn chế thiệt hại giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn trong năm 2017 và tạo nền tảng vững chắc cho những năm



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

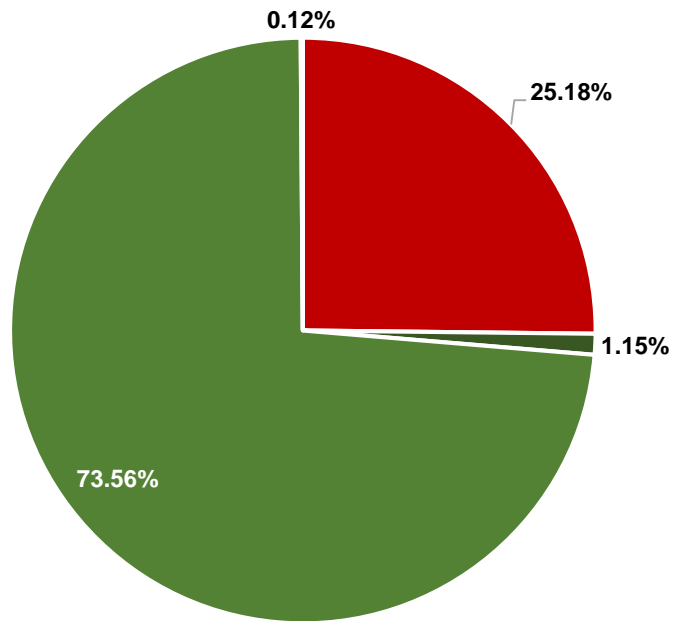
STT	Chỉ tiêu	Cổ phần
1	Tổng số cổ phần	6.750.000 cổ phần
2	Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
3	Số lượng cổ phần đang lưu hành	6.750.000 cổ phần
4	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
5	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	4.965.132	49.651.320.000	73,56%
II	Cổ đông nội bộ	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	1.777.018	17.770.180.000	26,33%
1	Cá nhân	1.699.357	16.993.570.000	25,18%
2	Tổ chức	77.661	776.610.000	1,15%
III	Cổ đông nước ngoài	7.850	78.500.000	0,12%
1	Cá nhân	6.200	62.000.000	0,09%
2	Tổ chức	1.650	16.500.000	0,02%
Tổng cộng		6.750.000	67.500.000.000	100%

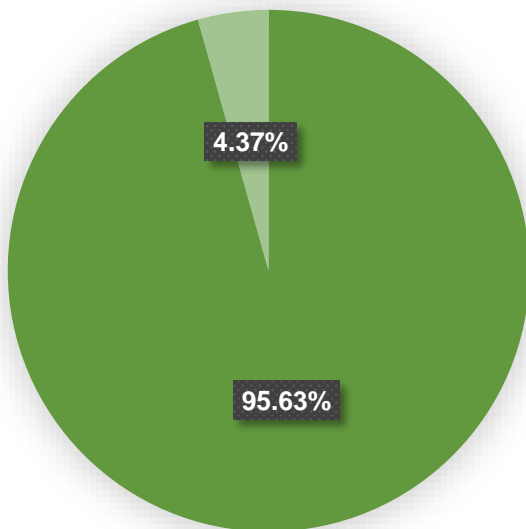


Tình hình hoạt động

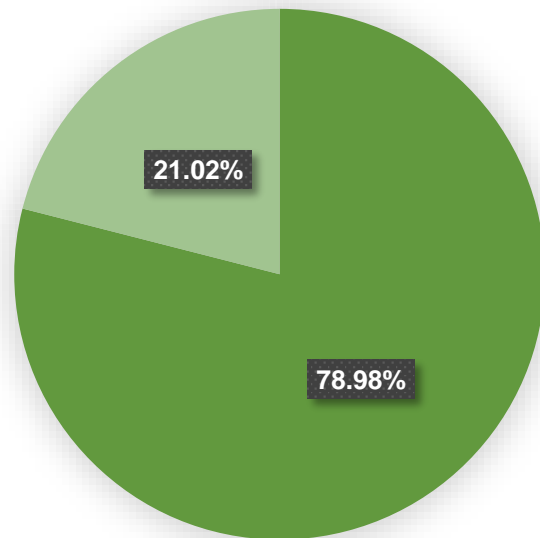
■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cổ đông nhà nước ■ Cổ đông nước ngoài



Cổ đông trong nước

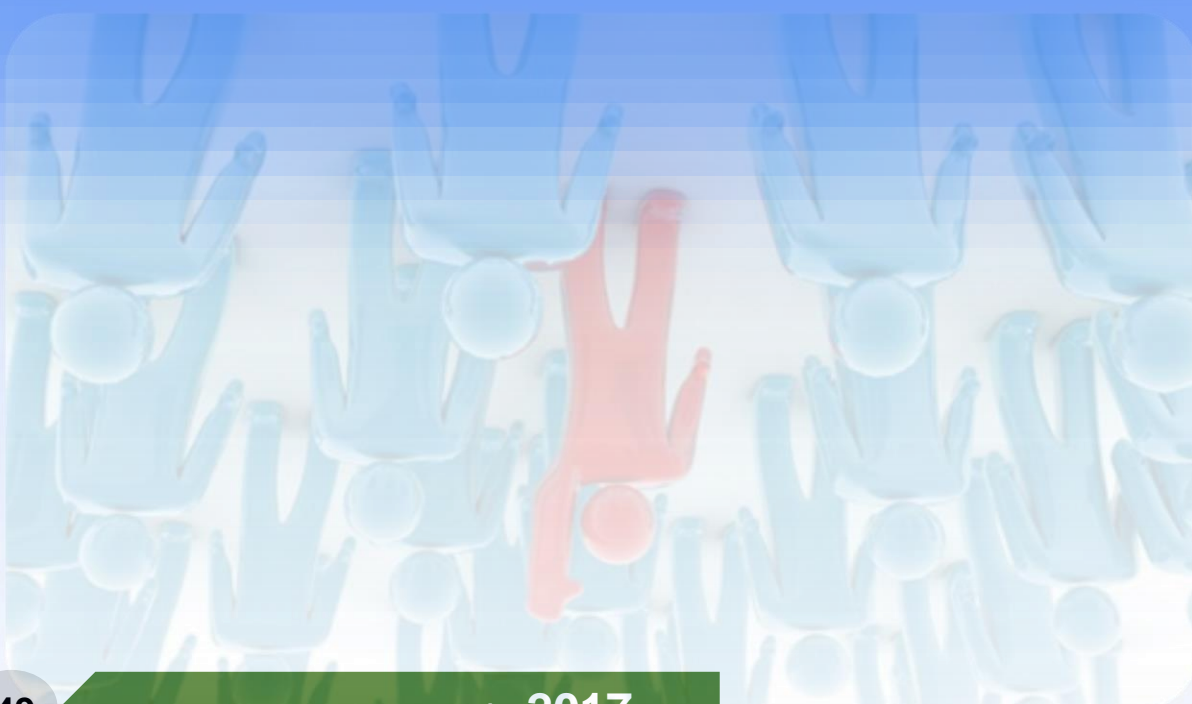


Cổ đông nước ngoài



■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước

■ Cá nhân ■ Tổ chức





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu đầu vào của chăn nuôi ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty đã lập riêng bộ phận quản lý chịu trách nhiệm về nguồn thức ăn chăn nuôi, đồng thời, thường xuyên thăm dò và nghiên cứu thị trường để có giá mua nguyên liệu đầu vào tốt nhất. Ngoài ra, năm 2017 tình hình nhập khẩu bắp, đậu nành của Công ty tăng ở thị trường Argentina, Brazil,... do nguồn cung ở các nước này dồi dào và giá phù hợp. Do đó, để kiểm soát được chi phí hoạt động Công ty đã thực hiện

điều chỉnh lại tỷ lệ thành phần thức ăn trong chăn nuôi nhằm đảm bảo chất lượng thịt heo cung ứng cho thị trường. Ngoài ra, Công ty có khả năng tự chế biến thức ăn bằng hệ thống xay trộn tự động điều khiển bằng máy vi tính, công suất đáp ứng được nhu cầu chăn nuôi và vệ sinh thực phẩm. Trước những thách thức của thị trường tiêu thụ năm 2017, Ban lãnh đạo đã chủ động đề ra kế hoạch nhằm hạn chế những thiệt hại ở khâu quản lý nguyên vật liệu trong chăn nuôi của Phú Sơn.



Tiêu thụ năng lượng

Để trại heo hoạt động hiệu quả, Công ty đã phải sử dụng một lượng điện năng đáng kể để vận hành một số hệ thống đặc trưng như hệ thống tự chế biến thức ăn, công nghệ giám sát sinh hoạt của đàn heo nhằm nắm bắt kịp thời tình trạng bất thường để đưa ra giải pháp hạn chế thiệt hại nhanh chóng. Thêm vào đó, lượng chất thải trong hoạt động chăn nuôi heo gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường xung quanh, do đó, năm 2017 Công ty tiếp tục duy trì hoạt động hệ thống xử lý chất thải,....

Tiêu thụ nước

Trong năm 2017, chuồng trại của Công ty hoạt động theo mô hình chuồng hở, đàn heo dễ bị ảnh hưởng mạnh bởi thời tiết khắc nghiệt, do đó để khắc phục tình trạng này Công ty đã sử dụng hệ thống phun sương, đồng thời luôn đảm bảo vệ sinh chuồng trại sạch sẽ. Mặt khác, để đáp ứng được những tiêu chuẩn về vệ sinh và sức khỏe cho đàn heo Công ty cần một lượng nước lớn để tiêu thụ, giải quyết vấn đề này Công ty đã tận dụng uy tín hoạt động trong ngành để tìm được nhà cung cấp nguồn nước phù hợp và đảm bảo chất lượng để đàn heo phát triển tốt trong năm 2017 và những năm tiếp theo.





Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Vì Công ty hoạt động chính bên lĩnh vực chăn nuôi nên bắt buộc phải tuân thủ và thực hiện luật bảo vệ môi trường. Cụ thể việc đảm bảo môi trường khu chăn nuôi tập trung:

- Công ty xử lý giảm mùi hôi từ chất thải phân heo bằng cách trộn chế phẩm Nutrafito Plus vào thức ăn và còn giúp giảm ô nhiễm không khí cho môi trường xung quanh và các khu lân cận;
- Đưa vào vận hành hệ thống, sử dụng hầm bioga để xử lý nước thải, sau khi thu được khí bioga thì đưa vào đốt sấy cát. Còn nước thải từ chăn nuôi sau khi đã được xử lý trong hệ thống sẽ chảy qua 7 hồ sinh học và tiếp tục được xử lý bằng hóa chất sau đó mới thải ra môi trường.

- Đối với quản lý chất thải nguy hại, Công ty đã xây dựng một khu riêng biệt, lưu giữ đúng cách, đồng thời phân loại và có biển báo, đề mã để nhận biết chất thải nguy hại. Công ty cũng ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại và chất rắn sinh hoạt với các công ty có chức năng xử lý, lập báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý, cập nhật tình hình phát sinh.

Chính sách liên quan đến người lao động

Trong năm 2017, để tạo môi trường làm việc năng động, Công ty tiến hành tổ chức thi đua giữa các đơn vị và cá nhân, trao phần thưởng nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn tuân thủ quy định về trả lương, các khoản trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi, thăm ốm, hiếu hỉ, v.v...



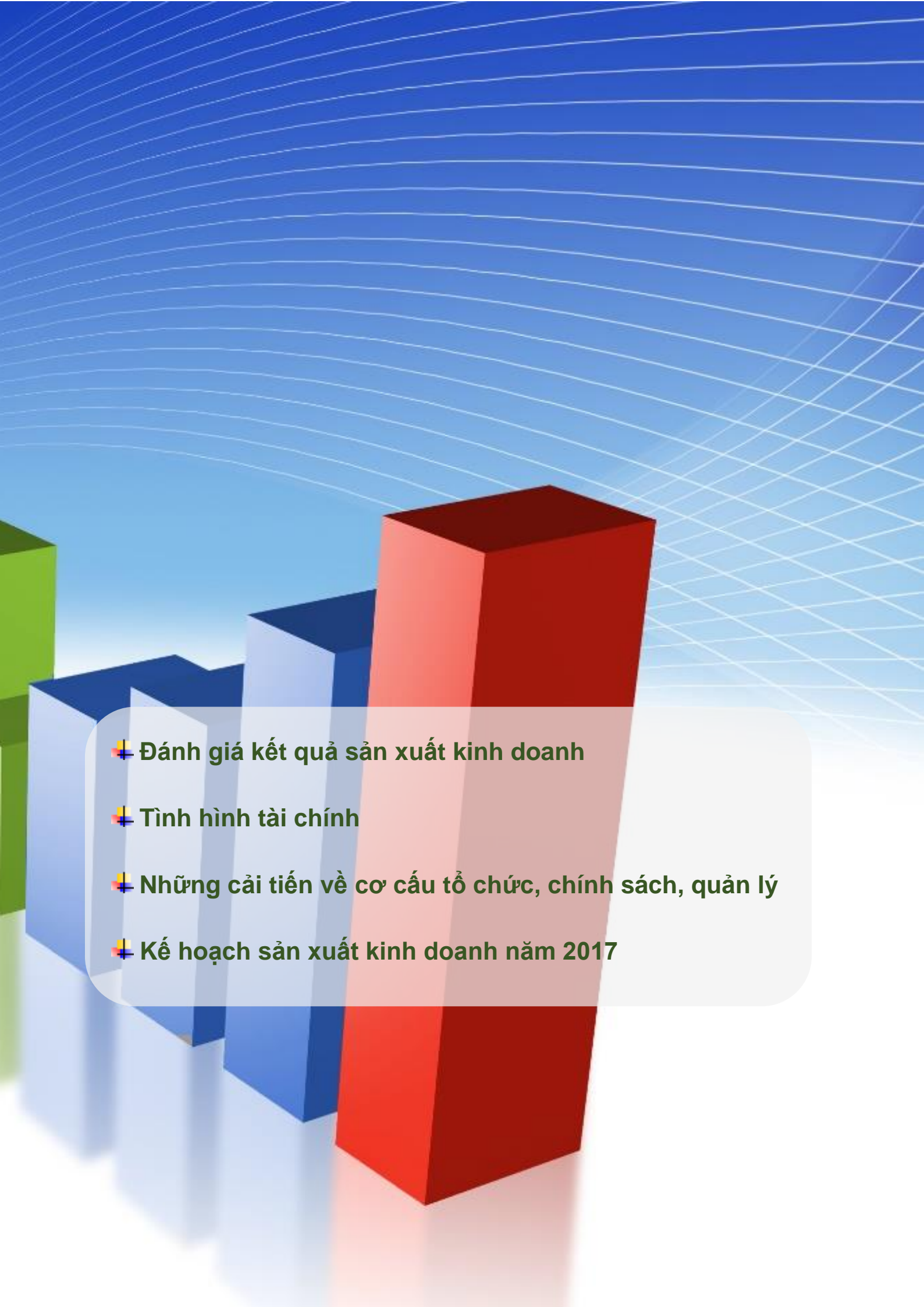
Mức lương bình quân qua các năm

Năm	Đơn vị	Lương bình quân
2014	Đồng/người/tháng	9.150.000
2015	Đồng/người/tháng	9.130.000
2016	Đồng/người/tháng	10.000.000
2017	Đồng/người/tháng	8.300.000



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



- 
- ✚ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
 - ✚ **Tình hình tài chính**
 - ✚ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
 - ✚ **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2017 là năm đánh dấu sự khó khăn của tình hình hoạt động sản xuất chăn nuôi heo. Nguyên nhân là do tác động bởi chính sách bảo vệ môi trường của Chính phủ Trung Quốc ban hành, đặc biệt là đối với ngành chăn nuôi, khiến lượng heo thịt bị giết trong năm tăng, xuất hiện tình trạng cung vượt cầu ở thị trường Trung Quốc. Do đó, một lượng lớn thịt heo bị đọng lại vì không xuất khẩu được ở thị trường này. Ngoài ra, tình hình chăn nuôi của Công ty còn bị ảnh hưởng bởi nhân tố tự nhiên phần nào gây bất lợi trong quá trình hoạt động với thời tiết diễn biến cực đoan trong năm 2017. Để khắc phục những vấn đề trên, Công ty đã và đang xây dựng cơ sở mới, đồng thời lên kế hoạch di dời cơ sở cũ, đồng thời thực hiện chính sách tăng

cường bán heo giống và heo thịt để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận được đề ra từ đầu năm. Kết thúc năm 2017, sản lượng tiêu thụ heo giống giảm, tuy nhiên lượng heo thịt lại tăng lên 35,23% so với cùng kỳ năm 2016 bởi tình hình tiêu thụ thịt heo được cải thiện vào cuối năm, đã bù đắp được phần nào thiệt hại ở những tháng đầu năm.

Cụ thể, kết thúc năm tài chính 2017, doanh thu đạt 142.296 triệu đồng, hoàn thành 72,6% so với kế hoạch. Thêm vào đó, do tác động mạnh mẽ của thị trường đã làm lợi nhuận trong năm tăng trưởng kém hiệu quả. Sản lượng heo giống và heo thịt tiêu thụ lần lượt đạt mức 59,42% và 132,23 % so với kế hoạch được thông qua đầu năm.

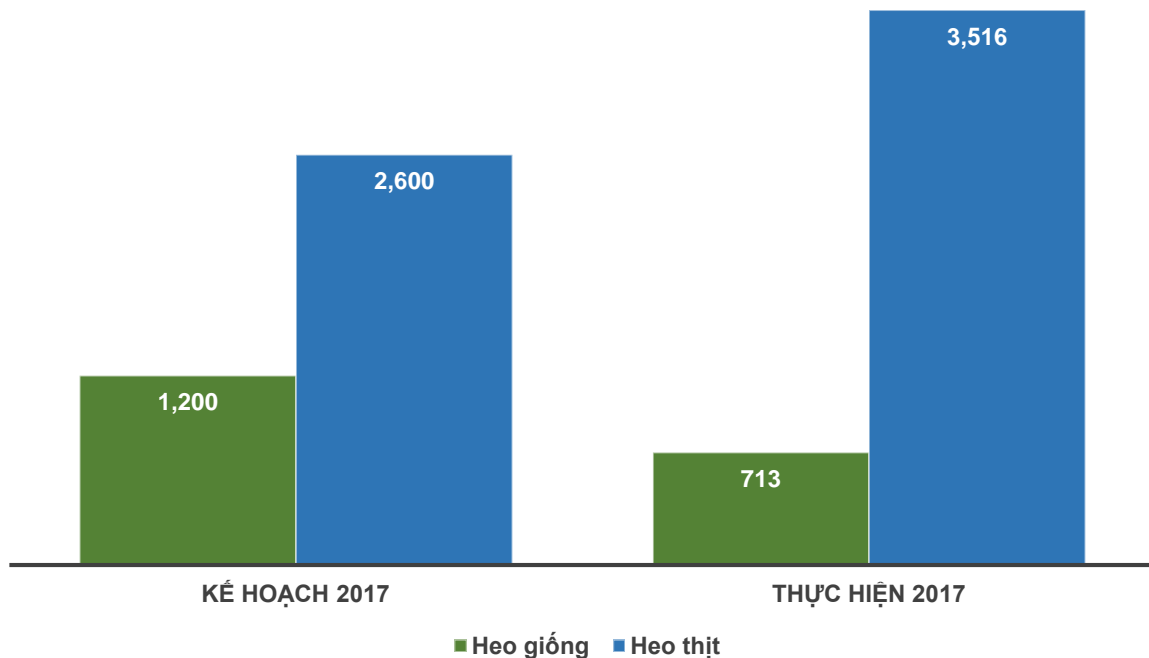




Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so với kế hoạch
1	Sản lượng hàng hóa tiêu thụ				
<i>a</i>	<i>Heo giống</i>	<i>Tấn</i>	1.200	713	59,42%
<i>b</i>	<i>Heo thịt</i>	<i>Tấn</i>	2.600	3.516	135,23%
2	Doanh thu	Tr.đồng	196.000	142.296	72,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	21.000	-21.603	-
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	3.949	3.474	87,97%
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đồng	8,2	8,3	101,22%

Sản lượng thực hiện



Thuận lợi

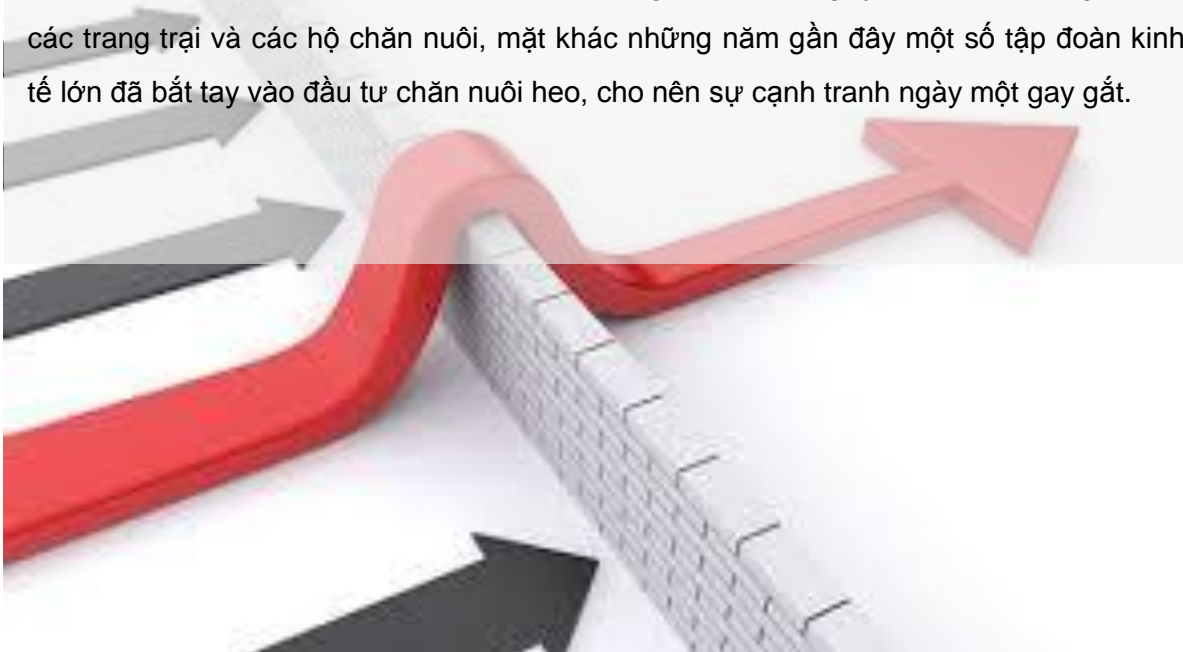
- Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng thương hiệu nên sản phẩm của Công ty có chất lượng và uy tín trên thị trường, được các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ và người tiêu dùng ưa chuộng nên việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty tương đối thuận lợi so với các đơn vị bạn.
- Hầu hết cơ sở vật chất kỹ thuật đều được đầu tư trong những năm trước nên giá trị tài sản còn lại thấp, do đó chi phí khấu hao TSCĐ tương đối thấp.
- Trong năm 2016, Công ty kinh doanh có hiệu quả góp phần làm tăng nguồn vốn được tích lũy do đó Công ty có tiền gửi ngân hàng góp phần tăng thu nhập. Điều này đã góp phần hỗ trợ và bù đắp những hạn chế trong hoạt động của Công ty năm 2017
- Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ của các ban ngành hữu quan.





Khó khăn

- Giá bán sản phẩm không ổn định lên xuống thất thường chủ yếu theo quy luật cung – cầu, đồng thời giá bán sản phẩm phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc nên công tác xây dựng kế hoạch và định hướng sản xuất hết sức khó khăn.
- Tác động của biến đổi khí hậu ngày một khắc nghiệt, mùa mưa ngắn, mùa khô kéo dài, khí hậu ngày một nắng nóng, nguồn nước cung cấp cho đàn heo thiếu, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe đàn heo làm cho năng suất chăn nuôi không tăng được và chi phí điện, nước ngày một tăng.
- Các cơ sở sản xuất của Công ty như Trại heo Phú Sơn, Trại heo Long Thành đã xây dựng trên dưới 40 năm, mặc dầu hàng năm có xây dựng mới và có đầu tư sửa chữa và nâng cấp song nhìn chung toàn bộ chuồng trại hầu hết là chuồng hở, không đảm bảo an toàn sinh học cho đàn heo, mặt khác do chuồng trại đã xây dựng quá lâu nên nguồn bệnh tích tụ ngày một nhiều, do đó vấn đề bảo đảm an toàn dịch bệnh cho đàn heo hết sức vất vả. Tất cả những yếu tố trên làm cho năng suất chăn nuôi không tăng được và chi phí thuốc thú y để phòng ngừa và điều trị cho đàn heo tăng.
- Kinh tế của đất nước ngày một hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, đồng thời các sản phẩm chăn nuôi cũng nhập vào Việt Nam ngày một tăng đã ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm chăn nuôi trong nước.
- Ngành chăn nuôi nói chung và chăn nuôi heo nói riêng ngày một cạnh tranh với các tập đoàn chăn nuôi có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty chăn nuôi trong nước, các trang trại và các hộ chăn nuôi, mặt khác những năm gần đây một số tập đoàn kinh tế lớn đã bắt tay vào đầu tư chăn nuôi heo, cho nên sự cạnh tranh ngày một gay gắt.

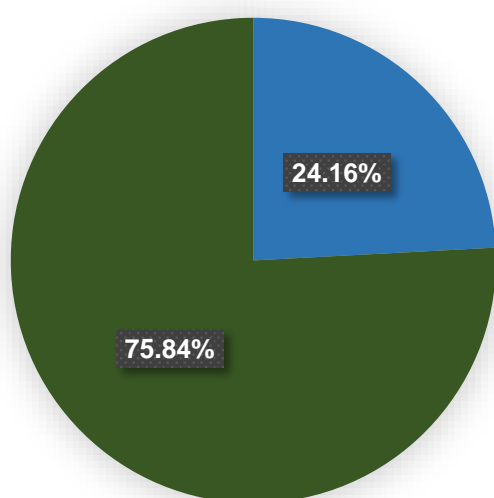


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

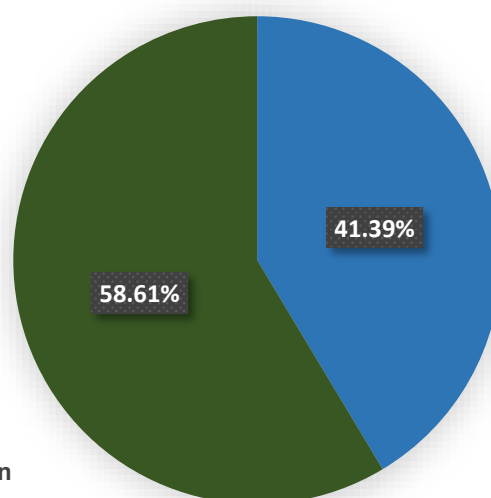
Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản dài hạn	63.271	24,16%	78.442	41,39%
Tài sản ngắn hạn	198.579	75,84%	111.062	58,61%
Tổng tài sản	261.850	100%	189.504	100%
Nợ ngắn hạn	25.386	9,69%	23.096	12,19%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	236.465	90,31%	166.408	87,81%
Tổng nguồn vốn	261.850	100%	189.504	100%

Tình hình tài sản

Năm 2016



Năm 2017

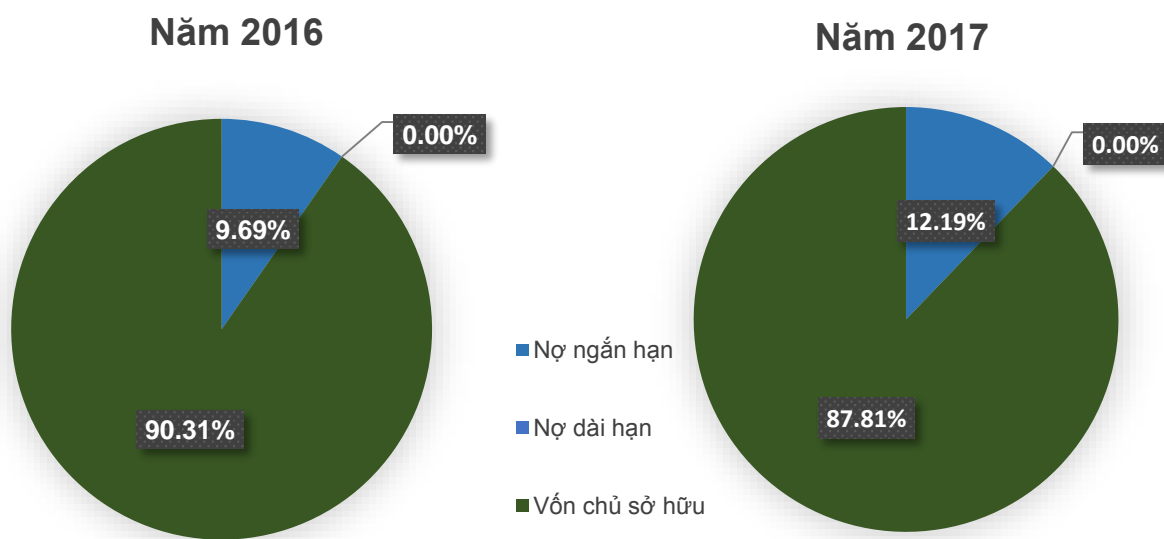


- Tài sản dài hạn
- Tài sản ngắn hạn



Tình hình nguồn vốn

Trong năm 2017, tổng tài sản Công ty đạt 189.504 triệu đồng tương ứng giảm 27,63% so với năm 2016. Trong đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 75,84% lên 58,61%, trong khi đó tỷ trọng tài sản dài hạn của Công ty tăng từ 24,16% xuống 41,39%. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu là do Công ty tăng đầu tư trong năm đạt gần 29 tỷ đồng, gần gấp 5 lần so với cùng kỳ năm 2016. Ngoài ra, tài sản ngắn hạn giảm tập trung vào các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản tương đương tiền tính đến cuối năm 2017.



Cơ cấu tỷ trọng nguồn vốn năm 2017 nhìn chung không có nhiều thay đổi, Công ty vẫn tiếp tục duy trì cơ cấu vốn an toàn, Công ty không có Nợ dài hạn, trong khi nợ ngắn hạn chỉ tăng đáng kể trong năm.

Đối với chỉ tiêu nợ phải trả thì nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng nợ phải trả, đồng thời Công ty tiếp tục duy trì tình hình không vay nợ dài hạn. Ngoài ra, trong điều kiện thị trường có nhiều biến động như hiện nay, Công ty vẫn cố gắng đảm bảo an toàn hoạt động tài chính bởi không chịu nhiều áp lực đáng kể từ chi phí lãi vay.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về giải pháp kỹ thuật

➤ **Con giống:** Trên cơ sở đàn heo ông bà hiện có, Công ty tiếp tục lai tạo ra đàn bố mẹ có năng suất chất lượng để cải tạo chất lượng con giống.

➤ **Thức ăn**

Do diễn biến tình hình giá cả thị trường đối với các nguyên liệu chính như bắp, đậu nành trong năm 2017, Công ty đã chủ động điều chỉnh công thức thức ăn để giảm giá thành nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu dinh dưỡng cho đàn heo.

Thường xuyên thực hiện các đề tài thí nghiệm để xây dựng khẩu phần thức ăn có giá thành thấp song vẫn bảo đảm chất lượng để so sánh chất lượng cám heo con do Công ty sản xuất với cám của Công ty Proconco để đưa ra công thức thức ăn phù hợp cho đàn heo con với giá cả hợp lý.

➤ **Thú y**

Thực hiện chương trình giám sát huyết thanh học đối với những bệnh quan trọng như: dịch tả, FMD, ... để đưa ra quy trình tiêm phòng phù hợp nhất. Kết hợp chặt chẽ với việc thường xuyên kiểm tra việc thực hiện tiêm phòng cho đàn heo nhằm bảo đảm an toàn dịch bệnh cho đàn heo.

Sử dụng vaccine PRRS (tai xanh) trên đàn nái sinh sản đã kiểm soát được hiện tượng sảy thai, đẻ non.

Về quản lý

Thường xuyên thăm dò và nghiên cứu thị trường để đưa ra giá bán sản phẩm và giá mua nguyên liệu một cách có hiệu quả nhất đảm bảo tiêu thụ được sản phẩm với giá bán hợp lý và mua được nguyên liệu cung cấp cho đàn heo với giá thành thấp.

Thực hiện tốt công tác khoán sản phẩm và trả lương theo sản phẩm.

Phát động phong trào thực hành tiết kiệm rộng khắp trong toàn thể CBCNV lao động.

Về bảo vệ môi trường

Xử lý nước thải: Công ty đã thực hiện các biện pháp sau: Sử dụng hầm biogas để xử lý nước thải nhằm thu hồi khí biogas sử dụng để đốt sấy cát, nước thải từ chăn nuôi sau khi đi qua hệ thống sẽ chảy qua 7 hồ sinh học và được xử lý bằng hóa chất trước khi thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải hiện nay đang vận hành tốt, nước thải sau xử lý đã đạt yêu cầu.

Quản lý chất thải nguy hại (CTNH): Công ty đã xây một khu riêng biệt để chứa CTNH, đã lưu giữ đúng vị trí có biển báo và mã CTNH cho từng loại, các chất thải được đóng vào bao và được để riêng cho từng khu vực. Công ty đã ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt với các công ty có chức năng xử lý đồng thời lập báo cáo định kỳ về tình hình phát sinh và quản lý CTNH.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
Sản lượng hàng hóa tiêu thụ		
+ Heo giống:	Tấn	600
+ Heo thịt các loại:	Tấn	2.800
+ Tinh heo:	1000 liều	
Tổng doanh thu	Tr.đồng	131.440
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	-6.040
Nộp ngân sách	Tr.đồng	305
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	-3,21
Tiền lương BQ người LĐ/tháng	Tr.đồng	7,0


Giải pháp thực hiện

VỀ ĐIỀU HÀNH VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

- **Quy mô đàn:** Công ty giảm quy mô đàn heo để giảm lỗ, tăng cường chọn lọc và nâng cao chất lượng đàn nái sinh sản để nâng cao năng suất chăn nuôi.
- **Về tiêu thụ sản phẩm:** Khó khăn trong năm 2017 tiếp tục ảnh hưởng đến năm 2018. Trên thị trường hiện tại các sản phẩm heo giống, heo hậu bị, heo thịt tiêu thụ khó, giá bán thấp, phụ thuộc hoàn toàn vào lượng cầu nội địa và thị trường xuất đi Trung Quốc. Vì đây là những yếu tố rất khó dự báo nên Công ty cố gắng duy trì sản xuất, tùy theo diễn biến của thị trường để linh hoạt điều chỉnh kế hoạch sản xuất chăn nuôi.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- 
- ▣ Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
 - ▣ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
 - ▣ Kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả hoạt động SXKD	2016	2017	Tăng/giảm (tr đồng)	Tăng/giảm (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	236.344	133.744	-102.600	-43,41%
Giá vốn hàng bán	169.908	157.625	-12.283	-7,23%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	66.435	-23.881	-90.316	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	64.657	-21.268	-85.925	-
Lợi nhuận khác	343	-335	-678	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.000	-21.603	-86.603	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.847	-21.603	-76.450	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	7.069	-3.201	-10.270	-

Thị trường tiêu thụ thịt heo trong nước năm 2017 gặp nhiều khó khăn xuất phát bởi thị trường tiêu thụ từ Trung Quốc. Nguyên nhân là do tình hình chăn nuôi heo ở quốc gia này đang chịu sự chi phối bởi chính sách bảo vệ môi trường ngày càng gay gắt, đã làm điều chỉnh số lượng đàn heo, do đó đã đẩy số lượng heo bị giết tăng trong năm. Đồng thời, số lượng thịt trong nước xuất khẩu sang Trung Quốc bị hạn chế, gây tổn động thị trường lớn, tạo sức ép lớn lên giá bán và heo xuất chuồng cho các doanh nghiệp chuyên tiêu thụ thịt lợn lẫn các hộ gia đình nhỏ lẻ nói chung và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn nói riêng.

Nhìn chung, trong năm 2017 tình hình hoạt động của Công ty có sức tăng trưởng chậm, cụ thể doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 133.744 triệu đồng, giảm 43,41 % so với cùng kỳ năm 2016. Cùng với đó, giá vốn hàng bán chỉ giảm 7,23% đã đẩy chi phí hoạt động cao hơn so với doanh thu trong năm, v.v... Đứng trước nhiều chuyển biến của thị trường trong năm 2017, Đại hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch và giải pháp đúng đắn và kịp thời, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.



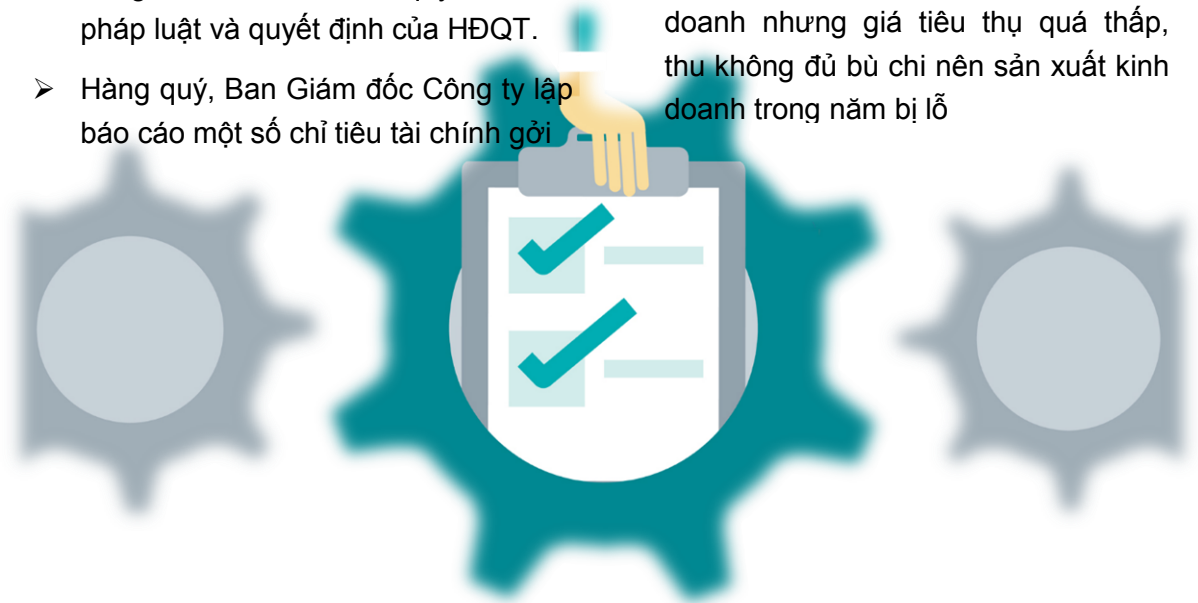
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BGD CÔNG TY

Trong năm 2017, Ban giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ với trách nhiệm luôn đặt hàng đầu. Cụ thể:

- HĐQT giám sát các hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty nhằm đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Ban hành kịp thời các quyết định, nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chỉ đạo Ban Giám Đốc thực hiện nhiệm vụ SXKD.
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật.
- Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám Đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.
- Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi

HĐQT, đồng thời qua các buổi họp HĐQT, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.

- Năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ngành chăn nuôi heo, cung vượt cầu. Giá bán sản phẩm heo giống và heo thịt giảm liên tục, không tiêu thụ được, một số người chăn nuôi nhỏ đã phải tự mổ, chở đi các chợ để bán. Trong khi đó giá nguyên liệu đầu vào vẫn giữ nguyên và có tăng nhẹ, cùng với tình hình dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi khiến cho chi phí thuốc phòng, điều trị bệnh tăng lên, tất cả các yếu tố trên làm cho giá thành tăng cao. Mặc dù Ban Giám đốc Công ty đã cố gắng điều hành công tác sản xuất kinh doanh nhưng giá tiêu thụ quá thấp, thu không đủ bù chi nên sản xuất kinh doanh trong năm bị lỗ



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trước thực tế tình hình chăn nuôi heo trong nước sản xuất cung đang vượt cầu làm giá bán giảm dưới giá thành, sự gia tăng các chi phí đầu vào như: điện, nước, lương, vận hành hệ thống xử lý nước thải, v.v... sản xuất kinh doanh khó khăn, nguy cơ thua lỗ cao. Nhận định chung 6 tháng đầu năm 2018, sản xuất kinh doanh sẽ có cải thiện nhưng vẫn còn chậm nên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn gặp rất khó khăn, còn tình hình 6 tháng cuối năm được cải thiện do biến động số lượng đàn heo trong năm 2017. Hội đồng quản trị đã đề ra những phương hướng, kế hoạch cho năm tới như sau

Về vật nuôi

- Giảm quy mô và nâng cao chất lượng đàn heo hiện tại.
- Ưu tiên công tác xây dựng cơ sở chăn nuôi mới tại khu công nông nghiệp Agropark với quy mô giai đoạn I: 1.200 nái thực hiện trong năm 2017 và 1.200 nái trong năm 2018 để phục vụ cho việc di dời từng bước Trại heo Phú Sơn theo phương án di dời đã được UBND tỉnh gia hạn đến năm 2018.
- Tiếp tục tiến hành các bước để thực hiện dự án xây dựng trang trại 12.000 heo con cai sữa, 10.000 con heo thịt và 4.000 heo hậu bị theo hướng hiện đại nhằm nâng cao năng suất chăn nuôi để di dời các trại heo ra khỏi khu dân cư, tận dụng cơ sở cũ để chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp với quy hoạch của tỉnh.
- Thực hiện các biện pháp phòng chống và kiểm soát dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin cần thiết cho đàn heo. Thực hiện các giải pháp để nâng cao tỷ lệ nuôi sống trên đàn heo con theo mẹ và heo con sau cai sữa.





Đánh giá của Hội đồng quản trị

Về hoạt động kinh doanh và quản lý:

- Tiêu thụ sản phẩm hiện còn đang gặp khó khăn trên cả thị trường nội địa và thị trường xuất đi Trung Quốc. Công ty cần có chính sách kinh doanh linh hoạt tùy theo diễn biến thị trường
- Theo dõi giá nguyên liệu đầu vào để có chi phí kinh doanh hợp lý phù hợp với tình hình tài chính Công ty
- Nâng cao năng lực, phát huy thế mạnh, phòng chống tiêu cực trong tập thể cán bộ công nhân viên
- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng
- Triển khai dự án khu dân cư theo quy hoạch tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai sau khi di dời Trại heo Long Thành về cơ sở mới.



The image features a white background with several groups of 3D blue human figures. Each group is positioned on a circular base of a different color: purple, red, pink, green, and orange. A central white rectangular box with a green border contains the text 'QUẢN TRỊ CÔNG TY'. The figures are arranged in various groupings, some standing together and others in pairs, all casting soft shadows on the white surface.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



+ Hội đồng quản trị

+ Ban kiểm soát

+ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Phùng Khôi Phục	Chủ tịch
2	Hà Văn Sơn	Phó Chủ tịch
3	Lê Phước Hùng	Thành viên
4	Đỗ Văn Trong Trong	Thành viên
5	Nguyễn Văn Khâm	Thành viên

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm qua có thể nói Hội đồng quản trị đã nỗ lực hết mình luôn bám sát tình hình thực tế của đơn vị, các vấn đề Công ty trình duyệt hoặc các vấn đề khác của Công ty đều được Hội đồng quản trị đưa ra quyết định sớm nhất kịp thời đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã họp 09 phiên thường kỳ vào các quý và khi Công ty có các vấn đề cần giải quyết. Nội dung chính các cuộc họp: Thông qua thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh các quý, 6 tháng và năm, phê duyệt đầu tư các dự án, thống nhất chủ trương nhượng bán quyền sử dụng đất và tài sản, xây dựng tiếp các chuồng trại trong dự án 4.800 heo nái tại Xuân Lộc, ...

Thông qua năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết có nội dung như sau:

- Kết quả SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2016;
- Thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;
- Thông qua kết quả SXKD 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2017;
- Thông qua việc triển khai và thực hiện các dự án đầu tư: xây dựng trại mới, đất đai, .v.v..
- Đề ra các giải pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017;
- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2017.



Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT trong năm

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	34/NQ-HĐQT	23/03/2017	<p>Thông qua các số liệu trình ĐHCĐ năm 2017:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kết quả SXKD năm 2016,- Phân phối bổ sung lợi nhuận năm 2015- Phân phối lợi nhuận năm 2016,- Tình hình thực hiện các dự án: Xây dựng trại chăn nuôi heo tại Khu công nông nghiệp Agropark; trại heo cai sữa heo thịt tại Xuân Phú, Xuân Thọ; Dự án khu dân cư tại Long Thành.
2	36/NQ-HĐQT	19/06/2017	<ul style="list-style-type: none">- Kết quả SXKD 5 tháng/2017 và UTH 6 tháng 2017,- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại Xuân Lộc- Phương án thoái vốn.
3	37/NQ-HĐQT	18/07/2017	<p>Thống nhất chủ trương nhượng bán quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất nông nghiệp tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà</p>
4	38/NQ-HĐQT	25/08/2017	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất xây dựng tiếp 01 trại nái bầu và 01 trại nái đẻ tại Xuân Lộc,- Xin giấy phép xây dựng trại heo cai sữa, heo thịt tại Xuân Phú, Xuân Lộc,- Mua 01 xe tải trọng tải 13 tấn để vận chuyển heo phục vụ công tác di dời,- Chuyển mục đích sử dụng đất Trại heo Phú Sơn sau khi di dời.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	39/NQ-HĐQT	22/09/2017	Hỗ trợ khách hàng mua heo giống.
6	40/NQ-HĐQT	02/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Xây hồ sinh học xử lý nước thải tại Xuân Lộc - Thống nhất giá khởi điểm nhượng bán quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất nông nghiệp tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà - Chọn công ty kiểm toán 2017.
7	41/NQ-HĐQT	17/11/2017	Thống nhất giảm giá nhượng bán quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất nông nghiệp tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà.
8	41a/NQ-HĐQT	20/11/2017	Thống nhất thực hiện giai đoạn 3 xây dựng tiếp 01 trại heo nái bầu số 4 và 01 trại heo nái đẻ số 5 chia làm 02 gói thầu xây lắp và thiết bị.
9	42/NQ-HĐQT	29/12/2017	Thống nhất giảm giá nhượng bán quyền sử dụng đất và tài sản trên khu đất nông nghiệp tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà.





BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lần tham gia họp	Tỷ lệ
1	Vương Thị Kim Đuợc	Trưởng BKS	3	100%
2	Trương Nguyễn Ngọc Hoà	TV BKS	3	100%
3	Nguyễn Diên Anh Khoa	TV BKS	3	100%

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ra ý kiến của Ban kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- ✓ Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành
- ✓ Xem xét, thẩm định các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện
- ✓ Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản
- ✓ Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty
- ✓ Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2017
- ✓ Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Khâm	Thành viên HĐQT	176.670	2,617%	176.370	2,612%	Bán cổ phiếu

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

- Hội đồng quản trị hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, không hưởng lương chỉ hưởng thù lao.
 - ĐHĐCĐ thường niên 2017 đã biểu quyết mức thù lao sau đại hội như sau:
 - Chủ tịch HĐQT: 4 triệu đồng/tháng
 - Phó Chủ tịch HĐQT: 3 triệu đồng /tháng
 - Thành viên HĐQT: 2,4 triệu đồng /tháng
 - Thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký: 2 triệu đồng /tháng.
 - Tổng cộng thù lao của Hội đồng quản trị năm 2017 là: 170,4 triệu đồng
 - Ban Kiểm soát là 48 triệu đồng
 - Thư ký là 24 triệu đồng
- ⇒ Tổng cộng: 242,4 triệu đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

31
+ 354
+ 1352
+ 2100.
+ 854.9

7761.67

=====

38992.44

TO



✚ Bảng cân đối kế toán

✚ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

✚ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

✚ Thuyết minh báo cáo tài chính

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-28
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-28

0014
CH
CƠ
HÃN
1/1/4

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600271092 (số ĐKKD cũ: 4703000267) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Khôi Phục	Chủ tịch
Ông Hà Văn Sơn	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khâm	Ủy viên
Ông Lê Phước Hùng	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Trong	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Văn Sơn	Giám đốc
Ông Đỗ Văn Trong	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vương Thị Kim Đước	Trưởng ban
Ông Nguyễn Diên Anh Khoa	Thành viên
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

1105-
NHÀ
CỔ PHẦN
KIỂM
AASI
TP. HCM

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hà Văn Sơn

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Số: 290318.005/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		111.062.452.978	198.579.032.335
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	48.514.385.972	59.150.917.119
111	1. Tiền		2.014.385.972	1.350.917.119
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.500.000.000	57.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	34.000.000.000	98.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		34.000.000.000	98.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.016.265.271	5.290.747.547
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		157.276.435	157.276.435
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	872.165.000	3.183.980.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.174.615.271	2.137.282.547
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(187.791.435)	(187.791.435)
140	IV. Hàng tồn kho	8	26.514.408.667	35.486.876.526
141	1. Hàng tồn kho		28.880.618.494	35.486.876.526
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.366.209.827)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.393.068	150.491.143
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	17.393.068	150.491.143
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		78.441.931.813	63.271.293.026
220	II. Tài sản cố định		21.135.716.916	25.347.025.280
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.738.396.680	15.788.169.284
222	- Nguyên giá		71.243.807.902	71.631.912.997
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.505.411.222)	(55.843.743.713)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.397.320.236	9.558.855.996
228	- Nguyên giá		10.725.800.713	10.725.800.713
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.328.480.477)	(1.166.944.717)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		28.752.219.082	5.950.192.939
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	28.752.219.082	5.950.192.939
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.250.000.000	11.250.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	11.250.000.000	11.250.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.303.995.815	20.724.074.807
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	17.303.995.815	20.724.074.807
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		189.504.384.791	261.850.325.361

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.096.017.497	25.385.743.179
310	I. Nợ ngắn hạn		23.096.017.497	25.385.743.179
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	8.597.700.304	6.096.383.908
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.654.545	2.329.781.023
314	3. Phải trả người lao động		1.349.300.945	5.939.823.116
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	274.483.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	9.273.429.667	9.273.429.667
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.595.449.036	1.746.325.465
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		166.408.367.294	236.464.582.182
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	166.408.367.294	236.464.582.182
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		67.500.000.000	67.500.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		67.500.000.000	67.500.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		6.750.000.000	4.500.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		113.761.813.170	106.709.922.350
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.603.445.876)	57.754.659.832
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	2.907.976.989
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(21.603.445.876)	54.846.682.843
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		189.504.384.791	261.850.325.361

Lê Thị Anh
Người lập

Lê Thị Anh
Kế toán trưởng




Hà Văn Sơn
Giám đốc


Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	133.743.591.700	236.343.884.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		133.743.591.700	236.343.884.000
11	4. Giá vốn hàng bán	19	157.625.062.268	169.908.463.537
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(23.881.470.568)	66.435.420.463
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	7.896.392.403	8.925.117.805
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	34.123.000	80.106.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	5.248.818.075	10.623.616.984
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.268.019.240)	64.656.815.284
31	11. Thu nhập khác	23	656.110.042	1.079.325.952
32	12. Chi phí khác	24	991.536.678	736.252.200
40	13. Lợi nhuận khác		(335.426.636)	343.073.752
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(21.603.445.876)	64.999.889.036
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	10.153.206.193
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(21.603.445.876)	54.846.682.843
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(3.201)	7.069


Lê Thị Anh
Người lập


Lê Thị Anh
Kế toán trưởng


Hà Văn Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(21.603.445.876)	64.999.889.036
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.209.250.769	5.420.095.141
03	- Các khoản dự phòng		2.366.209.827	30.515.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.150.884.290)	(8.624.445.428)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(22.178.869.570)	61.826.053.749
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.486.091.460	(3.037.140.685)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.606.258.032	1.240.797.266
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.885.643.060)	2.400.504.204
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.420.078.992	1.686.430.099
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.253.206.193)	(10.753.719.669)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		29.890.000	163.677.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.199.511.941)	(6.801.388.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.974.912.280)	46.725.213.964
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(23.376.446.143)	(6.953.496.939)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		125.000.000	181.341.682
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(104.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		64.500.000.000	61.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.589.827.276	8.392.745.129
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		49.838.381.133	(41.379.410.128)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(40.500.000.000)	(15.750.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40.500.000.000)	(15.750.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.636.531.147)	(10.404.196.164)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		59.150.917.119	69.555.113.283
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		48.514.385.972	59.150.917.119

Lê Thị Anh
Người lập

Lê Thị Anh
Kế toán trưởng

Hà Văn Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600271092 (số ĐKKD cũ: 4703000267) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 67.500.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 67.500.000.000 VND; tương đương 6.750.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi khác: rắn, ba ba, cá sấu;
- Sản xuất nguyên liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2017, giá thị trường heo thịt thương phẩm và heo giống giảm sâu kéo dài, nguồn cung dư nhiều trong khi nhu cầu lại giảm sâu. Tình hình thị trường giảm sút như vậy đã ảnh hưởng rất lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung của Công ty, khiến cho doanh thu giảm mạnh và kéo theo khoản lỗ lớn trong năm nay.

Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Trại chăn nuôi heo Phú Sơn	Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại chăn nuôi heo Phước Tân	Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại chăn nuôi heo Long Thành	Xã Long An, huyện Long Thành, Đồng Nai	Chăn nuôi heo

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Súc vật làm việc và cho sản phẩm	04	năm
- Quyền sử dụng đất	15 - 45	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



2.13 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

01111
CHI N
CÔNG T
NG KI
AA
4-TP.

b) Ưu đãi thuế

Theo khoản 5, điều 11, thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	269.901.546	66.450.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.744.484.426	1.284.466.226
Các khoản tương đương tiền (*)	46.500.000.000	57.800.000.000
	48.514.385.972	59.150.917.119

(*) Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng có giá trị 46.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7 %/năm đến 5,3 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	34.000.000.000	34.000.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000
	34.000.000.000	34.000.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000

Tại ngày 31/12/2017, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 04 tháng đến 06 tháng có giá trị 34.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4 %/năm đến 6,1 %/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty CP Đầu tư và Quản lý khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	11.250.000.000	-	11.250.000.000	-
	11.250.000.000	-	11.250.000.000	-

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	Tỉnh Đồng Nai	28,57%	28,57%	Đầu tư xây dựng và dịch vụ

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Phúc Hiếu	-	-	2.975.365.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Tu Sa	650.000.000	-	-	-
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bảo Phúc Long	120.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	102.165.000	(30.515.000)	208.615.000	(30.515.000)
	872.165.000	(30.515.000)	3.183.980.000	(30.515.000)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	796.268.053	-	1.717.756.944	-
Phải thu về BHXH, BHYT của CB-CNV	257.647.218	-	261.325.603	-
Phải thu tiền bà Diệp Thị Thanh Quý - làm thất thoát quỹ	70.700.000	-	108.200.000	-
Phải thu công ty CP Chứng khoán Phương Đông	50.000.000	-	50.000.000	-
	1.174.615.271	-	2.137.282.547	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ông Phan Trung Kiên	157.276.435	-	157.276.435	-
- Công ty TNHH MTV Đất Quê	30.515.000	-	30.515.000	-
	187.791.435	-	187.791.435	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.434.290.568	-	13.974.007.781	-
Công cụ, dụng cụ	13.475.000	-	8.525.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.432.852.926	(2.366.209.827)	21.504.343.745	-
	28.880.618.494	(2.366.209.827)	35.486.876.526	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án xây dựng trại heo nái sinh sản tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc (*)	28.672.527.320	5.920.126.000
- Dự án xây dựng trại heo cai sữa và heo thịt tại xã Xuân Phú - Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc	30.066.939	30.066.939
- Khu dân cư 6,8 ha tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	49.624.823	-
	28.752.219.082	5.950.192.939

(*) Dự án với tổng mức đầu tư là 175.124.650.954 VND, thực hiện bằng nguồn vốn tự có của Công ty và vốn vay ngân hàng, thời gian thực hiện dự án từ năm 2015 đến năm 2018, được triển khai theo Quyết định số 28/QĐPS ngày 22/12/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt dự án đầu tư Trang trại heo nái sinh sản tại xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với quy mô 4.800 con trên tổng diện tích 217.729 m².

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	52.750.809.754	12.279.135.787	4.248.572.000	224.000.000	2.129.395.456	71.631.912.997
- Mua trong năm	-	574.420.000	-	-	-	574.420.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(962.525.095)	(962.525.095)
Số dư cuối năm	52.750.809.754	12.853.555.787	4.248.572.000	224.000.000	1.166.870.361	71.243.807.902
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.176.816.753	10.284.636.323	1.530.832.902	224.000.000	627.457.735	55.843.743.713
- Khấu hao trong năm	2.361.586.350	746.097.426	566.303.333	-	373.727.899	4.047.715.009
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(386.047.500)	(386.047.500)
Số dư cuối năm	45.538.403.103	11.030.733.749	2.097.136.235	224.000.000	615.138.134	59.505.411.222
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.573.993.001	1.994.499.464	2.717.739.098	-	1.501.937.721	15.788.169.284
Tại ngày cuối năm	7.212.406.651	1.822.822.038	2.151.435.765	-	551.732.227	11.738.396.680

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.347.877.197 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.642.457.695	83.343.018	10.725.800.713
Số dư cuối năm	10.642.457.695	83.343.018	10.725.800.713
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.083.601.699	83.343.018	1.166.944.717
- Khấu hao trong năm	161.535.760	-	161.535.760
Số dư cuối năm	1.245.137.459	83.343.018	1.328.480.477
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.558.855.996	-	9.558.855.996
Tại ngày cuối năm	9.397.320.236	-	9.397.320.236

(*) Trong giá trị Quyền sử dụng đất tại 31/12/2017, giá trị quyền sử dụng đất tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc với tổng nguyên giá là 5.703.462.695 VND. Đây là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài mua để triển khai dự án phát triển Công ty trong tương lai. Đến thời điểm 31/12/2017, các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty vẫn đang được hoàn tất.

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.343.018 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Giá trị đàn heo nái, heo đực cơ bản	12.263.192.198	15.502.398.338
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	273.392.249	86.137.497
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	-	207.284.167
Chi phí thuê đất khu liên hợp công nông nghiệp Dofico (*)	4.767.411.368	4.928.254.805
	17.303.995.815	20.724.074.807

(*) Theo hợp đồng thuê mặt bằng số 08/2014/HĐ-QGRO ngày 12/06/2014 giữa Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai để đầu tư dự án xây dựng trại heo mới, tổng giá trị hợp đồng thuê là 7.881.328.400 VND (bao gồm VAT), thời hạn thuê 49 năm, thanh toán thành 3 đợt (đợt 1 thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng số tiền 2.627.109.400 VND, đợt 2 thanh toán trong quý I/2015 số tiền 2.627.109.500 VND, đợt 3 thanh toán trong quý I/2016 số tiền 2.627.109.500 VND). Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã thanh toán xong tiền thuê đất đợt 2.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Phúc Hiếu	1.597.040.000	1.597.040.000	-	-
- Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất Thức ăn gia súc (Proconco)	1.009.326.084	1.009.326.084	1.828.626.685	1.828.626.685
- Công ty TNHH Toàn Gia Phát Đạt	908.682.600	908.682.600	482.191.450	482.191.450
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô	898.983.800	898.983.800	526.491.640	526.491.640
- Công ty TNHH Minh Phát Huy	704.813.000	704.813.000	-	-
- Công ty TNHH Phú Quý An Khang	451.379.900	451.379.900	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	3.027.474.920	3.027.474.920	3.259.074.133	3.259.074.133
	8.597.700.304	8.597.700.304	6.096.383.908	6.096.383.908

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	13.789.455	42.545.458	51.880.368	-	4.454.545
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.253.206.193	-	2.253.206.193	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	62.785.375	1.052.718.404	1.114.303.779	-	1.200.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	150.491.143	-	178.148.111	45.050.036	17.393.068	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	150.491.143	2.329.781.023	1.283.411.973	3.474.440.376	17.393.068	5.654.545

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí phải trả Công ty TNHH Phú Hoàng Gia công trình hầm biogas	274.483.000	-
	274.483.000	-

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.300.500	1.300.500
- Phải trả cho công ty TNHH Hoài Nam - Hoài Bắc	432.608.767	432.608.767
- Tiền di dời trại Đông Phương (*)	8.816.320.400	8.816.320.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.200.000	23.200.000
	9.273.429.667	9.273.429.667

(*) Số tiền bồi thường, hỗ trợ di dời theo Quyết định số 6496/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của UBND Thành phố Biên Hòa về việc bồi thường, hỗ trợ cho trại heo Đông Phương của Công ty tại khu phố 10 phường Hồ Nai, do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước thải số 01 tại phường Hồ Nai, Thành phố Biên Hòa. Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn sử dụng số tiền này để đầu tư dự án xây dựng trại heo mới tại vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khu liên hợp công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark) tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Khi dự án di dời hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty sẽ trình Sở ban ngành liên quan phê duyệt để quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ này.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	4.500.000.000	106.234.104.677	49.346.067.840	205.080.172.517
Lãi trong năm trước	-	-	-	54.846.682.843	54.846.682.843
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	475.817.673	(475.817.673)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.914.451.810)	(6.914.451.810)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(797.821.368)	(797.821.368)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	22.500.000.000	-	-	(22.500.000.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(15.750.000.000)	(15.750.000.000)
Số dư cuối năm trước	67.500.000.000	4.500.000.000	106.709.922.350	57.754.659.832	236.464.582.182
Số dư đầu năm nay	67.500.000.000	4.500.000.000	106.709.922.350	57.754.659.832	236.464.582.182
Tăng vốn trong năm nay	-	2.250.000.000	-	(2.250.000.000)	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(21.603.445.876)	(21.603.445.876)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.051.890.820	(7.051.890.820)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(7.130.068.770)	(7.130.068.770)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(822.700.242)	(822.700.242)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(40.500.000.000)	(40.500.000.000)
Số dư cuối năm này	67.500.000.000	6.750.000.000	113.761.813.170	(21.603.445.876)	166.408.367.294



Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 35/NQ-ĐH ngày 14 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	57.754.659.832
Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,21%	7.051.890.820
Tăng vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	3,90%	2.250.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12,35%	7.130.068.770
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	1,42%	822.700.242
Chi trả cổ tức (bằng 60% vốn điều lệ)	70,12%	40.500.000.000

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	73,56%	49.651.320.000	73,56%	49.651.320.000
- Các cổ đông khác	26,44%	17.848.680.000	26,44%	17.848.680.000
	100%	67.500.000.000	100%	67.500.000.000

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	67.500.000.000	67.500.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	67.500.000.000	45.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	22.500.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	67.500.000.000	67.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(40.500.000.000)	(15.750.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(40.500.000.000)	(15.750.000.000)

	31/12/2017	01/01/2017
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.750.000	6.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.750.000	6.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.750.000	6.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.750.000	6.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.750.000	6.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
e) Các quỹ công ty		
Quỹ đầu tư phát triển	113.761.813.170	106.709.922.350
	113.761.813.170	106.709.922.350

.1110
HI NI
ÔNG T
IG KI
AA
4-TP

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	133.743.591.700	236.343.884.000
	133.743.591.700	236.343.884.000
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)	2.921.000	34.894.000

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	155.258.852.441	169.908.463.537
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.366.209.827	-
	157.625.062.268	169.908.463.537

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.287.489.385	7.997.534.317
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	228.054.018	252.583.488
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.380.849.000	675.000.000
	7.896.392.403	8.925.117.805

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	34.123.000	53.197.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	10.109.000
Chi phí khác bằng tiền	-	16.800.000
	34.123.000	80.106.000

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.351.477.084	7.140.168.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	437.528.824	312.906.951
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	23.469.236
Chi phí dự phòng	-	30.515.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.824.283	46.159.202
Chi phí khác bằng tiền	1.272.987.884	3.070.398.142
	5.248.818.075	10.623.616.984

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập chuyển nhượng bất động sản	-	336.196.000
Thu nhập cho thuê kho, mặt bằng	207.272.724	260.454.543
Thu nhập từ bán khí biogas	218.181.818	199.999.998
Thu tiền bán phân, tiền trồng mía	125.000.000	-
Thu nhập khác	105.655.500	282.675.411
	656.110.042	1.079.325.952

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	517.454.095	116.855.377
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	244.000.000
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt vi phạm môi trường	8.000.000	263.666.300
Chi thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	124.800.000	110.400.000
Chi phí bồi thường thiệt hại heo giống	295.000.000	-
Chi phí khác	46.282.583	1.330.523
	991.536.678	736.252.200

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.603.445.876)	64.999.889.036
Các khoản điều chỉnh tăng	427.800.000	374.066.300
- Chi phí không hợp lệ	295.000.000	374.066.300
- Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	124.800.000	-
- Phạt vi phạm hành chính	8.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.380.849.000)	(675.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.380.849.000)	(675.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(22.556.494.876)	64.698.955.336
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (thuế suất 15%)	-	55.731.697.479
- Thu nhập từ hoạt động khác (thuế suất 20%)	-	8.967.257.857
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	10.153.206.193
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 15%)	-	8.359.754.622
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	1.793.451.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	2.853.719.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(10.753.719.669)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	2.253.206.193

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(21.603.445.876)	54.846.682.843
Các khoản điều chỉnh	-	(7.130.068.770)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(7.130.068.770)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(21.603.445.876)	47.716.614.073
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.750.000	6.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.201)	7.069

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.496.308.729	138.557.125.757
Chi phí nhân công	16.481.136.674	25.815.537.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.209.250.769	5.420.095.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.866.182.783	2.718.646.856
Chi phí khác bằng tiền	2.483.113.363	5.703.336.785
	149.535.992.318	178.214.742.251

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.514.385.972	-	59.150.917.119	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.331.891.706	(157.276.435)	2.294.558.982	(157.276.435)
Các khoản cho vay	34.000.000.000	-	98.500.000.000	-
	83.846.277.678	(157.276.435)	159.945.476.101	(157.276.435)
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			17.871.129.971	15.369.813.575
Chi phí phải trả			274.483.000	-
			18.145.612.971	15.369.813.575

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.514.385.972	-	-	48.514.385.972
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.174.615.271	-	-	1.174.615.271
	49.689.001.243	-	-	49.689.001.243
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.150.917.119	-	-	59.150.917.119
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.137.282.547	-	-	2.137.282.547
	61.288.199.666	-	-	61.288.199.666

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.871.129.971	-	-	17.871.129.971
Chi phí phải trả	274.483.000	-	-	274.483.000
	18.145.612.971	-	-	18.145.612.971
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.369.813.575	-	-	15.369.813.575
	15.369.813.575	-	-	15.369.813.575

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH :

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty chỉ có doanh thu từ hoạt động kinh doanh chăn nuôi heo và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	2.921.000	34.894.000
- Trung tâm Văn miếu Trấn Biên	Chi nhánh trực thuộc công ty mẹ	2.921.000	-
Mua nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ			
- Trung tâm Văn miếu Trấn Biên	Chi nhánh trực thuộc công ty mẹ	18.922.000	46.558.000





Báo cáo thường niên năm 2017

Đồng Nai, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Giám đốc



Hà Văn Sơn